

HT. THÍCH THIỀN TÂM

TỊNH ĐỘ QUYẾT NGHỊ

Toát yếu: Tỳ-kheo-ni HẢI TRIỀU ÂM

Lời nói đầu

Có người cho rằng Tịnh-độ giáo thuộc về hành môn không phải lý môn, nghĩa là đức Thích Ca chỉ trần thuật cảnh Cực Lạc rồi khuyên người niệm Phật để cầu sanh, không thiệp đến phần lý thuyết. Nhưng thật ra, trong hành tức đã có ẩn phần giáo lý. Chẳng hạn như bên Thiên tông, tuy chỉ dạy tham một câu thoại đầu, nhưng trong ấy đã hàm ẩn vô biên đạo lý. Tịnh-độ tông cũng thế, một câu niệm Phật gồm cả Thiên, Giáo, Luật, Mật nên cổ đức đã phán định pháp môn này thuộc về đốn giáo. Và Ngẫu Ích đại sư – một vị đích truyền thuộc phái Thiên Thai – cũng bảo: “Một câu Phật hiệu, bao

nhiều công án của Thiên tông và đạo lý cực diệu của Giáo môn đều ở trong đó”.

Để chứng minh câu niệm Phật hàm đạo lý nhiệm mầu, và giải mối nghi cho những vị tìm hiểu cùng hành trì về môn này, bút giả xin phiên dịch quyển Thập Nghi của ngài Trí Giả, tập Hoặc Vấn của ngài Thiên Như, hạp lại tạm lấy nhan đề là Tịnh Độ Quyết Nghi Luận.

Học giả có thể đặt niềm tin tưởng nơi cổ huấn, mà mở đường vào Tịnh-độ huyền môn.

LIÊN DU

TỊNH ĐỘ THẬP NGHỊ LUẬN

Đời Tùy, Thiên Thai Trí Giả Đại Sư soạn

I- HỎI: *Chư Phật Bồ-tát lấy đại bi làm sự nghiệp. Chúng ta xa rời chúng sanh, tự sống riêng một cuộc đời yên ổn, có phải là thiếu lòng từ bi, chuyên lo tự lợi và trái với đạo Bồ-đề chăng?*

ĐÁP: Bồ-tát có 2 hạng:

1/- Bậc đã chứng vô sanh pháp nhẫn. Với những vị này, đem lời đó trách thì đúng.

2/- Phàm phu mới phát tâm Bồ-tát. Những vị này cần không rời Phật. Luận Trí Độ nói: “Phàm phu còn đủ mọi sự

ràng buộc, dù có lòng đại bi, mà vội muốn sanh trong đời ác để cứu chúng hữu tình khổ não, là điều không hợp lý. Tại sao thế? – Vì cõi đời ác trước, phiền não lấy lừng. Không có nhân lực, tâm sẽ tùy cảnh bị sắc, thanh, danh, lợi trôi buộc, sanh ra đủ nghiệp tham, sân, si. Chừng đó tự cứu đã không rồi, nói chi cứu chúng sanh?

Nếu nhân bố thí, trì giới, tu phước được làm bậc quyền quý, mấy ai không mê đắm cảnh giàu sang, buông lung trong trường dục lạc?

Lúc đó dù thiện tri thức khuyên bảo, họ cũng không tin. Lại vì muốn thỏa mãn lòng tham dục, nường quyền thế sẵn có, gây nhiều tội nghiệp. Chết rồi, đọa tam đồ trải vô lượng kiếp. Được làm người, phải thọ thân bản tiện. Nếu không gặp thiện tri thức lại mê lầm gây

tội ác rồi bị đọa nữa.

Kinh Duy Ma cũng nói: “Chính bệnh của mình còn không tự cứu được, đâu có thể cứu bệnh cho kẻ khác”.

Luận Trí Độ cũng nói: “Ví như hai người, mỗi kẻ đều có thân nhân bị nước lôi cuốn. Một người tánh gấp nhảy ngay xuống nước, nhưng vì thiếu phương tiện nên bị đắm chìm. Một người sáng tỉnh hơn, vội lấy thuyền bơi ra cứu được. Bậc Bồ-tát mới phát tâm vì chưa đủ nhẫn lực nên không thể cứu chúng sanh, cũng như người trước. Những vị đã chứng vô sanh nhẫn, mới có thể nhập thế, cứu độ vô lượng chúng sanh, cũng như người sau. Như trẻ thơ không nên rời mẹ. Nếu rời mẹ, thì hoặc rơi vào hầm giếng, té xuống sông đầm, hoặc đói khát mà chết. Lại như chim non chưa đủ lông cánh, chỉ có thể nhảy chuyền theo cành cây, đợi chừng

nào lông cánh đầy đủ, mới có thể bay xa, thong thả vô ngại. Phạm phu không nhẫn lực, chỉ nên chuyên niệm Phật A Di Đà cho được nhất tâm. Đợi khi tịnh nghiệp thành tựu, lâm chung được Phật tiếp dẫn vắng sanh. Chứng quả vô sanh rồi, chừng ấy sẽ cưỡi thuyền Pháp-nhẫn, vào biển luân hồi, mặc ý làm vô biên Phật sự.

Cho nên bậc bi tâm hành giả, muốn giáo hóa địa ngục, vào biển trầm luân, nên chú ý đến nhân duyên cầu sanh Tịnh-độ.

II- **HỎI:** *Thế của pháp là không, xưa nay vẫn vô sanh và bình đẳng. Bỏ Ta Bà cầu Cực Lạc, há chẳng trái lý ư?*

ĐÁP: **Kinh Lăng Nghiêm** nói: “Mê muội thành hư không. Trong tâm tối kết ám thành sắc. Nên biết tất cả vọng thân, vọng tâm, vọng cảnh, núi sông thế giới, đều là vật hiện trong diệu minh chân

tâm”. Kinh Hoa Nghiêm cũng nói: “Nhất thiết duy tâm tạo”. Như vậy vạn pháp đều lấy chân tâm làm thể. Vạn pháp có sanh có diệt nhưng chân tâm vô sanh. Người thấu đạt chân tâm bản tánh gọi là đã chứng vô sanh.

Thân người có sanh có diệt nhưng xét kỹ sanh thể thật không. Chỉ do bảy đại giả hiện. Thể chất thật của cả bảy đại đều là chân tâm bản tánh thường trụ diệu minh.

Cũng như mặt biển đầy sóng. Nhưng quan sát kỹ, sóng sanh sóng diệt chẳng thật có. Thể chất thật của sóng là nước. Nước không biến đổi.

Vọng thân vọng cảnh ví như sóng. Chân tâm ví như nước. Bao nhiêu sanh diệt đều từ vô sanh mà ra.

Người đã biết nước thì ở sóng nào

cũng thấy toàn là nước. Ngoài nước không có sóng. Người này ở trong sanh diệt vẫn vô sanh. Đã chứng nhận được tánh vô sanh thì ở Ta Bà hay Cực Lạc vẫn vô sanh. Cũng như sóng 1 hay sóng 2 đều là nước.

Chỉ có điều là người mới ngộ được tánh vô sanh nhưng chưa thật chứng, còn chấp chờn ở đêm dài vô minh. Ngài Anan gọi là sốt rét cách nhật, nghĩa là chột tỉnh chột mê. Người này gấp gấp mau phải xa lìa Ta Bà cầu về Cực Lạc. Vì Ta Bà là trợ nhân sanh tử mãnh liệt. Cực Lạc là trợ nhân Bồ-đề có một không hai.

Còn những bậc đã thật chứng vô sanh thì hẵn thông thả vô ngại. Nhưng đã gọi là vô ngại thì ngại gì mà chẳng du hí một phương, nói chi một cõi Cực Lạc. Đâu cần cứ phải khư khư cố chấp vô sanh. Các đại

Bồ-tát trang nghiêm **Tịnh-độ**, cứu vớt khắp loại hữu tình, chính nhờ diệu dụng của vô sanh.

III- HỎI:

a) *“Muốn cầu Tịnh-độ, trước phải tịnh tâm. Tâm thanh tịnh, cõi Phật mới thanh tịnh”. Cầu sanh Tịnh-độ cũng chẳng là trái lý này ư?*

b) *Tất cả cõi Tịnh-độ của chư Phật ở mười phương công đức đều bình đẳng, sao nay lại riêng cầu Tịnh-độ của một đức Phật? Như thế chẳng trái với lý bình đẳng ư?*

ĐÁP:

a- Chính bởi vì thâm tín lời kinh: **“Tâm tịnh, quốc độ mới tịnh”**. Nên mới chán Ta Bà là nơi cộng nghiệp của những chúng sanh ô nhiễm mà thiết tha cầu về cảnh giới thanh tịnh của các bậc Thánh Hiền. Người chuyên tâm niệm Phật là tập

cho sáu căn xa rời sáu trần ảo ảnh, lìa ba độc tham sân si. Người này tập sống trong thật tướng thắng duyên, lấy Phật làm cảnh, để nương tựa tiếp dẫn mà về Thánh giới.

b) Kinh Tỳ Ni Yết Na Sanh, Phổ Quảng Bồ-tát hỏi Phật: **“Bạch đức Thế Tôn! Mười phương đều có Tịnh-độ, tại sao Thế Tôn lại riêng khen ngợi cõi Tây phương Cực Lạc và khuyên chúng sanh nên chuyên niệm Phật A Di Đà để cầu về cõi ấy?”**. Phật bảo ngài Phổ Quảng: **“Chúng sanh ở cõi Diêm-phù-đề phần nhiều tâm trước loạn, vì thế ta chỉ tán thán một Tịnh-độ ở Tây phương, khiến các hữu tình chuyên tâm vào một cảnh, để cho sự vãng sanh dễ thành tựu. Nếu nhớ niệm tất cả chư Phật, vì niệm cảnh quá rộng, nên tâm mênh mang tán lạc, tam muội khó thành, không được vãng**

sanh. Lại sự cầu công đức của một vị Phật cùng sự cầu công đức của tất cả Phật không khác nhau, vì chư Phật đồng một pháp tánh. Cho nên niệm Phật A Di Đà, tức là niệm tất cả Phật, sanh Tây phương Tịnh-độ, tức là sanh tất cả Tịnh-độ.

IV- **HỎI:** *Thế thì người tu sao không tùy ý niệm một đức Phật, tùy nguyện cầu sanh về một Tịnh-độ nào khác, hà tất ai cũng phải niệm đức A Di Đà, cầu sanh về Cực Lạc ư?*

ĐÁP: Phàm phu vô trí phải theo lời Phật dạy, chẳng nên tự chuyên. Đức Thích Ca Thế Tôn một đời thuyết pháp, hằng khuyên chúng sanh niệm Phật A Di Đà cầu sanh về thế giới Cực Lạc (kinh Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ, Phật Thuyết A Di Đà, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm...). **Chẳng** những các kinh, mà trong các luận, chư

Bồ-tát, Tổ sư đều bảo nên cầu sanh về Cực Lạc.

Lại nữa, đức Phật A Di Đà có 48 đại bi nguyện lực tiếp độ chúng sanh. Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Phật A Di Đà có 84.000 tướng, mỗi tướng có 84.000 vẻ đẹp tùy hình, mỗi vẻ đẹp phóng ra 84.000 tia sáng soi khắp pháp giới, nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật không rời bỏ. Chúng sanh niệm danh hiệu ngài, cơ cảm tương ứng, quyết định sẽ được vãng sanh”. Các kinh: Phật Thuyết A Di Đà, Vô Lượng Thọ, Cổ Âm Vương Đà La Ni đều nói: Khi đức Thích Ca thuyết kinh, hằng hà sa chư Phật ở mười phương đều hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp cõi đại thiên để chứng thật rằng nếu chúng sanh nào niệm Phật A Di Đà, tất sẽ nương nhờ đại bi nguyện lực của ngài, quyết định được sanh về thế giới Cực Lạc.

Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Trong thời mạt, khi các kinh khác đã diệt hết, chỉ còn kinh này lưu trú ở đời 100 năm, tiếp độ hữu tình vãng sanh về cõi kia”. Đây là điểm chứng minh Phật A Di Đà đối với chúng sanh ở cõi trước này có đại nhân duyên.

V- **HỎI:** *Phàm phu nghiệp ác sâu dày, nặng nề phiền não, hoặc-chướng muôn phần. Chút ít công đức tu hành chưa voi được một. Làm sao vãng sanh về Cực Lạc là cõi đệ nhất thanh tịnh trang nghiêm?*

ĐÁP:

a- **Kinh Anh Lạc nói: “Từ địa vị cụ phước phàm phu chưa biết Tam-bảo và nhân quả thiện ác. Nay phát tâm Bồ-đề phải lấy tin làm gốc, lấy giới làm nền tảng. Tiếp tục giữ giới không khuyết phạm, trải ba kiếp mới đến địa vị Sơ Phát Tâm Trụ. Lại cứ như thế mà tu thập ba-**

la-mật cùng vô lượng hạnh nguyện, không gián đoạn, mãn một vạn kiếp, mới đến ngôi đệ lục Chánh Tâm Trụ. Tiến lên đệ thất Bất Thối Trụ tức là đã vào Chứng Tánh Vị. Địa vị này cũng chưa được sanh về Tịnh-độ. Đây là ước về tự lực.

b- **Kinh Vô Lượng Thọ nói về tha lực. Kể nào tin 48 nguyện đại bi của đức A Di Đà, phát lòng Bồ-đề, tu Niệm Phật Tam-muội, chán thân hữu lậu trong ba cõi, bố thí, trì giới, tu các phước nghiệp, mỗi hạnh đều hồi hướng nguyện sanh Tây phương, thì cơ cảm hợp nhau, nương nhờ Phật lực liền được vãng sanh.**

Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận nói: Có 2 lối tu:

a/- **Chúng sanh ngũ trước trải vô lượng Phật, cầu bất thoái, thật rất khó. Sơ lược kể 5 điều khó:**

1- **Ngoại đạo dấy dậy, làm loạn Bồ-**

tát pháp.

2- Bị người ác phá hư thắng đức.

3- Phước báo làm điên đảo, hoại phạm hạnh.

4- Dễ bị lạc vào lối tự lợi của Thanh-văn.

5- Sự tu hành rất khó khăn. Ví như người què yếu đi bộ một mình tuy rất khó nhọc, song một ngày chẳng qua chỉ được vài dặm.

b/- Tin lời Phật, niệm Phật nguyện về Tịnh-độ, tất sẽ nhờ nguyện lực của Phật nhiếp trì, quyết định vãng sanh. Ví như người nương nhờ sức thuyền, xuôi theo dòng nước, tuy đường xa ngàn dặm cũng đến nơi không mấy chốc. Lại ví như người tầm thường nương theo luân bảo của Thánh vương, trong một ngày đêm có thể du hành khắp bốn châu thiên hạ.

VI- HỎI: *Đã là cụ phước phạm phu, dù sanh về cõi Cực Lạc, hẳn phiền não ác kiến thường nổi lên. Làm sao gọi là: “Vượt hơn ba cõi, lên ngôi bất thoái”?*

ĐÁP: Người đã được sanh về Tây phương, dù là cụ phước phạm phu, cũng không khi nào khởi phiền não ác kiến, bởi có 5 nhân duyên: 1) Nguyện lực đại bi của Phật nhiếp trì. 2) Ánh sáng của Phật thường soi đến thân, nên lòng Bồ-đề luôn luôn tăng tiến. 3) Chim, nước, rừng, cây, gió, âm nhạc thường nói pháp: khổ, không, vô thường, vô ngã. Hành giả nghe rồi nức lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. 4) Bạn lành toàn Bồ-tát thượng thiện, tuyệt chướng nạn ác duyên, không ngoại đạo tà ma, nên tâm thường an tịnh. 5) Đã được sanh về cõi ấy thì thọ lượng vô cùng, đồng với Phật và Bồ-tát, an nhiên tu tập.

VII- HỎI: *Di Lạc Bồ-tát là bậc Nhất sanh bổ xứ, hiện ở cung trời Đâu Suất, ngài sẽ kế vị đức Thích Ca mà thành Phật trong tương lai. Vậy nên tu thượng phẩm thập thiện cầu sanh về nơi đó để được diện kiến Ngài. Đợi đến khi Bồ-tát giáng thế thành Phật, ta cũng theo Ngài mà hạ sanh. Trong 3 hội Long Hoa tất sẽ được chứng Thánh quả. Cần chi cầu về Tây phương Tịnh-độ?*

ĐÁP: Cầu về Đâu Suất và cầu về Tây phương có sự hơn kém rất xa:

1- a) Tu thập thiện, chưa chắc đã được sanh về Đâu Suất. Vì kinh Di Lạc Thượng Sanh nói: “Hành giả phải tu các môn tam-muội, đi sâu vào chánh định, mới được sanh lên Nội viện Thiên cung”.

b) Di Lạc Bồ-tát không phát nguyện tiếp dẫn. Còn bản nguyện của đức A Di Đà là nhiếp thủ và tế độ những chúng sanh niệm Phật. Phương tiện này rất giản

đi, hành giả chỉ cần niệm Phật A Di Đà, cơ cảm hợp nhau, liền được vãng sanh. Như ở thế gian chiêu mộ người, nếu kẻ nào muốn gia nhập thì cơ hội hợp nhau, liền thành sự việc.

2- Đâu Suất Thiên cung còn ở Dục- giới, nên kẻ thoái vị rất nhiều. Còn có nữ nhân gây tăng thượng duyên cho tâm trước-nhiễm. Sao bằng cõi Cực Lạc, cây chim tuyên diệu pháp, gió nhạc diễn Bồ-đề, chúng sanh nghe rồi phiền não tiêu tan, đạo tâm tăng tiến? Cõi Tịnh-độ của Phật A Di Đà, chỉ thuần pháp lữ đại thừa thanh tịnh, phiền não ác nghiệp không thể phát khởi, như thế làm sao hành giả không mau chứng quả vị vô sanh?

Đến như sự gặp Phật Di Lạc được chứng Thánh quả, cũng đã vị-tất! Như khi đức Thích Ca còn tại thế, biết bao nhiêu

chúng sanh thấy Phật, mà vẫn không được chứng Thánh quả? Riêng Tịnh-độ của Phật A Di Đà, chỉ được sanh về, quyết sẽ chứng vô sanh pháp nhẫn, không một kẻ nào còn đọa trở lại tam giới, bị nghiệp sanh tử buộc ràng.

Lại nghe Tây Vực Truyện nói: Ba Bồ-tát Vô Trước, Thế Thân, Sư Tử Giác thâm tu thiên định, quyết sanh về Đâu Suất, cùng nhau ước hẹn: Ai sanh nội viện thấy đức Di Lặc trước, phải trở về báo tin cho huynh đệ biết. Ngài Sư Tử Giác quy tịch trước, trải qua thời gian khá lâu, không trở lại báo tin. Kế đó ngài Thế Thân vô thường. Ba năm sau mới trở lại: “Lẽ kiến đức Di Lặc, nghe pháp, đi nhiều 3 vòng rồi trở xuống đây liền. Vì một ngày đêm ở Đâu Suất bằng 400 năm hạ giới, nên hóa ra em về trễ”. Vô Trước hỏi: “Sư Tử Giác hiện ở đâu?”. Thế Thân

đáp: “Sư Tử Giác bị lạc vào Đâu Suất ngoại viện, say đắm ngũ dục, nên chưa được thấy đức Di Lặc”.

VIII- HỎI: *Chúng sanh từ vô thủy tạo vô lượng tội, đời nay lại gây thêm nhiều nghiệp ác. Như thế làm sao lâm chung 10 niệm thành tựu, liền được vãng sanh?*

ĐÁP: Kẻ ấy đã có túc thiện nghiệp. Nếu chẳng thế thì thiện tri thức còn không được gặp, huống chi là thành tựu 10 niệm? Như ông cho rằng ác nghiệp từ vô thủy là nặng, 10 niệm khi lâm chung là nhẹ, tôi xin giải thích:

a) Tạo tội đều từ vọng niệm điên đảo. Niệm Phật là duyên theo công đức chân thật của Phật A Di Đà. Một bên hư, một bên thật, đâu thể sánh nhau! Ví như gian nhà đóng kín để tối muôn năm, nếu được ánh sáng mặt trời soi vào, tối liền mất, đâu phải vì do tối đã lâu mà không

được sáng ư? Nhiều kiếp đã tạo tội, khi lâm chung thành tựu 10 niệm, được vãng sanh, cũng lại như vậy.

b) Nghiệp tạo lúc lâm chung gọi là cận tử nghiệp, có năng lực dẫn báo tức khắc. Vua A Dục nổi danh một đời làm phước. Rất tin tưởng Tam-bảo nên cho cả hoàng tử và công chúa xuất gia. Lúc vua bệnh nặng. Quan hầu ngủ gật, đánh rơi cái quạt vào mặt vua. Vua nổi giận. Độc khí khiến vua băng hà. Tức khắc, đọa làm rắn thần (Ma-hầu-la-già). Hoàng tử đã chứng Thánh quả, biết thế tội khai thị. Nhờ túc phước, con rắn giác tỉnh, được thoát báo mà sanh thiên.

Cũng thế một người cả đời làm ác nhưng sắp lâm chung, một lòng thiết tha niệm Phật sám hối cầu vãng sanh, thì như cái cây đã nghiêng sẵn về phương Tây, khi thật sự bật gốc, nó sẽ ngã về

phương ấy.

c) Người này thâm sâu giác tỉnh. Giờ phút cuối cùng, thân thể còn phải xả ly, huống chi tài sản quyến thuộc. Người chết không nơi nương tựa, chỉ còn trông cậy ở lực Phật tiếp dẫn nên một lòng mạnh mẽ mãnh liệt trì danh, quyết liệt phen này vãng sanh. Mười niệm cuối cùng này gói ghém toàn tâm. Dem hết tâm hồn gửi Phật nên cảm ứng không thể nghĩ bàn.

IX- HỎI: Thế giới Cực Lạc cách đây 10 muôn ức cõi Phật, hạng phàm phu yếu kém làm sao có thể đi đến? Lại, trong Luận Vãng Sanh nói: “Người nữ, kẻ căn thiếu. Nhị thừa chủng không sanh”. Đã có lời ấy thì người nữ và kẻ 6 căn không toàn vẹn chắc là không được vãng sanh?

ĐÁP: Thế giới Cực Lạc cách đây 10 muôn ức cõi Phật, là đối với tâm lượng

của nhục thân phàm phu ở trong nẻo luân hồi mà nói. Tịnh nghiệp đã thành tựu, thì tâm niệm Phật khi lâm chung, chính là tâm thọ sanh về Tịnh-độ. Vừa động niệm liền vãng sanh. Vì thế trong Quán Kinh nói: “Cõi nước của Phật A Di Đà cách đây không xa”. Lại nghiệp lực không thể nghĩ bàn, ngay đương niệm tự thấy mình ở cõi Phật. Ví như người nằm mơ, thân tuy ở giường, mà tâm đi khắp các nơi. Sự sanh về Tịnh-độ đại-để cũng như vậy. Vì đi bằng tâm nên không ngại đường xa. Cứ nghĩ tới là ở đây rồi.

Còn câu: “Người nữ, kẻ căn thiếu. Nhị thừa chủng không sanh” là ý nói người nữ khi sanh về Cực Lạc sẽ chuyển nữ thành nam, kẻ căn thiếu lúc về đó các căn sẽ đầy đủ. Ai ai cũng đều 32 tướng tốt. Nếu người nữ cùng kẻ căn thiếu không được vãng sanh thì bà Vi Đề Hy và

500 thị nữ đều được Phật thọ ký cho sanh về Cực Lạc? Thế nên, người nữ cùng kẻ đui điếc câm ngọng ở cõi này, nếu niệm Phật A Di Đà, đều được vãng sanh. Đến như hàng nhị thừa, nếu chịu hưởng về đại thừa tin môn Tịnh-độ, nguyện về Cực Lạc, niệm Phật A Di Đà, quyết định được vãng sanh. Trong kinh Vô Lượng Thọ, Pháp Tạng Tỳ-kheo, tiền thân của Phật A Di Đà đã phát nguyện rằng: “Như tôi đắc quả vô thượng giác, tất cả người nữ trong mười phương thế giới nhằm chán thân nữ, xưng danh hiệu tôi, nguyện kiếp sau không thọ nữ tướng. Nếu chẳng toại ý, tôi sẽ không thành Phật”.

Tóm lại, hai câu trên đại ý chỉ luận ở cõi Cực Lạc không có người nữ, kẻ căn thiếu, cùng hạng chủng tử nhị thừa mà thôi.

X- HỎI: Phải làm những nghiệp gì và lấy chi làm chủng tử để được sanh về Cực Lạc? Có gia đình, không đoạn dâm dục có được sanh về cõi kia chăng?

ĐÁP: Muốn sanh về Tây phương phải đủ 2 hạnh: yếm ly và hân nguyện.

A/. Phàm phu từ vô thủy đến nay ngũ dục buộc ràng, luân hồi sáu đạo, chịu bao nhiêu khổ! Trong vòng lẩn quẩn ấy, nếu không chán lìa ngũ dục thì làm sao có thể thoát ly? Cho nên người tu Tịnh-độ phải thường xét thân này là khối thịt xương máu mủ, chứa đựng đờm dãi, đại tiểu tiện và các thứ như nhớp hôi tanh. Kinh Niết Bàn nói: “Vòng thành thân kiến như thế, duy loài La-sát ngu si mới chịu ở trong đó, người có trí ai lại dấn nhiễm thân này”. Lại nói: “Thân này là nơi tập hợp của các thứ khổ, là cảnh tù ngục, là một khối ung nhọt, tất cả đều

bất tịnh”. Vì thế, hành giả thâm tâm chán lìa, dứt liền việc nam nữ.

Hành giả cần quán 7 pháp bất tịnh:

1- **Chủng tử bất tịnh:** Thân này do nghiệp dâm dục, hạt giống tham ái mà sanh.

2- **Thọ sanh bất tịnh:** Mầm sanh khởi của bản thân là một điểm tinh huyết của cha mẹ.

3- **Trụ xứ bất tịnh:** Thai thân ở trong tử cung như nhớp, nằm dưới ruột non, trên là ruột già.

4- **Thực đạm bất tịnh:** Khi còn ở trong thai, huyền thân thọ dụng huyết phần của mẹ.

5- **Chỗ sanh bất tịnh:** Khi đã đủ tháng ngày, thai thân đầu hướng về sản môn, ra khỏi mình mẹ cùng một lúc với máu mủ hôi như.

6- **Toàn thân bất tịnh: 32 thể trước: tóc, lông, móng, răng, da...**

7- **Cứu cánh bất tịnh: Đến khi chết rồi, thân này là một đống thịt sinh thối rã rời, mặc cho dòi bọ bò lan.**

Thường quán sát 7 điều ấy ở các thân nam nữ mà người đời cho rằng xinh đẹp, để sanh niệm yếm ly. Mỗi ngày phải tập cửu tướng quán:

1- **Tướng thân mới chết.**

2- **Tướng thân chết đổi sắc bầm xanh tím.**

3- **Tướng thân chết sinh lên dấy dầy máu mủ và sắp rã.**

4- **Tướng thân sinh chướng, nứt rã, nước hôi chảy ra.**

5- **Tướng thân sinh rã, dòi bọ bò lúc nhúc.**

6- **Tướng thân sinh thịt tiêu hết chỉ còn gân và xương.**

7- **Tướng gân cũng tiêu hoại chỉ còn xương nằm ngổn ngang.**

8- **Tướng thân bị thiêu chỉ còn bộ xương co rút, hay thân rã chỉ còn những khúc xương.**

9- **Tướng nắng chan mưa gội, xương mủn dần thành đất.**

Phát nguyện cầu vĩnh viễn thoát ly thân nam nữ mê nhiễm, tạp thực, không sạch của ba cõi, để được thân pháp tánh Tịnh-độ. Trên đây là đại lược về yếm ly môn.

B/. **Hân nguyện, đại khái có 2:**

1- **Nhận rõ mục đích cầu sanh: Vì muốn thoát khổ cho mình và tất cả chúng sanh. Hành giả phải nghĩ rằng: Sức mình yếu kém, còn bị nghiệp ràng buộc, mà ở cõi**

đời ác trước này cảnh duyên não phiền quá mạnh. Ta cùng chúng sanh bị chìm đắm nơi dòng mê, xoay vần trong sáu nẻo, trải qua trần kiếp từ vô thủy đến nay. Bánh xe sống chết quay mãi không ngừng. Muốn độ mình độ người một cách yên ổn chắc chắn, cần sanh Tịnh-độ, gần Phật, Bồ-tát. Nhờ cảnh duyên thắng diệu, tu hành chứng vô sanh nhẫn, mới có thể vào đời ác cứu khổ hữu tình. Luận Vãng Sanh nói: “Phát tâm Bồ-đề là phát tâm cầu thành Phật, tâm cầu thành Phật là tâm độ chúng sanh, muốn độ chúng sanh phải thấu nhiếp chúng sanh đem về cõi Phật”.

2- *Nên quán tưởng y chánh cõi Cực Lạc:*
Hành giả nên quán tưởng Báo-thân của Phật A Di Đà sắc vàng rực rỡ, có tám muôn bốn ngàn tướng, mỗi tướng có tám muôn bốn ngàn vẻ đẹp, mỗi vẻ đẹp có

tám muôn bốn ngàn tia sáng, soi khắp pháp giới, hộ trì chúng sanh niệm Phật. Lại nên quán cõi Cực Lạc bảy báu trang nghiêm như các kinh Tịnh-độ đã nói. Ngoài ra, người niệm Phật khi bố thí, trì giới, cùng làm tất cả hạnh lành, đều phải hồi hướng cầu cho mình và chúng sanh đồng sanh Cực Lạc.

TỊNH ĐỘ HOẶC VÂN

Đời Nguyên, Thiên Như Duy Tắc Thiền sư thuật

ĐỀ TỪ:

Ngoài song, non xanh giăng màn hoa,

Quanh núi suối trong buông cầm ca,

Trong chùa niệm Phật A Di Đà,

Tưởng niệm trời Tây đầy liên hoa.

Danh hiệu A Di Đà

Nghĩa lý diệu thâm xa.

Hương quang trang nghiêm pháp,

Chính công án thiền na.

Ngàn muôn mấy ai kể tri âm,

Thấu đáo A Di hồng danh thâm,

Thiên Như lòng tử soi chân đặng,

Đưa người mau ra khỏi mê lâm.

Thiên Như lão nhơn đang tĩnh tọa nơi thất Ngọa Vân, bỗng có người đẩy cửa bước vào, tự xưng là thiền khách. Lão nhơn im lặng, gật đầu chào, đưa tay ra ý mời ngồi. Đối tọa đã lâu, ánh tịch dương tà tà xuyên qua song trúc, lò hương thiền khói sắp muốn tan, khách từ từ đứng dậy, sửa y phục nghiêm trang, thư thả mở lời thưa thỉnh:

1- HỎI RẰNG: Trộm nghe Vĩnh Minh Hòa-thượng ẩm thọ môn học đơn truyền nơi Thiền Quốc sư ở Thiên Thai, mà cũng chính là đích tôn của ngài Pháp Nhãn. Khi Hòa-thượng trụ trì chùa Tịnh Từ ở Hàng Châu, đã khai thị cho học chúng rất nhiều, biện tài cơ trí dường như gió cuốn sấm vang, hải nội thiên lâm đều kính xưng là bậc đại tông tượng. Tại sao ngoài sự nói thiền, ngài lại tự tu Tịnh-độ, khuyên người niệm Phật, viết sách rộng truyền môn ấy nơi đời?

ĐÁP: Lời hỏi ấy rất thích đáng! Vĩnh Minh đại sư rất có công với bên Tông cũng như bên Giáo. Tôi học tập theo Thiên tông, chưa tinh tường về Tịnh-độ, nhưng cũng thường qua những kinh sách của môn đó, nên cũng biết phần đại khái:

Tịnh-độ là phép dễ tu dễ chứng, song cũng là môn khó nói khó tin. Cho nên khi còn tại thế, đức Thích Ca từ phụ vì hàng đệ tử nói kinh A Di Đà, đã dự biết chúng sanh đời mạt pháp khó sanh lòng tin tưởng, mới dẫn lời thành thật của sáu phương chư Phật, để phá mối nghi và phát khởi tín tâm cho người sau. Lúc thuyết kinh gần xong, nhân nói đến chư Phật khen ngợi mình, đức Bổn Sư lại bảo: “Nên biết ta ở đời ác năm trước làm việc khó này đắc quả Vô-thượng Bồ-đề. Vì tất cả thế gian nói pháp khó tin đây, thật là một điều rất khó!”. Ấy đều là những lời

tha thiết cặn kẽ, dặn dò để khuyên người tin tưởng. Đấng Thế Tôn đã rủ lòng đại bi, cứu đời kiếp mạt. Khi kim khẩu nói ra một câu một kệ, hàng nhưn phi nhưn đều tín thọ phụng hành. Riêng về thuyết Tịnh-độ, thế gian có xen lẫn lòng nghi. Bởi giáo môn Tịnh-độ cực rộng lớn, mà pháp tu Tịnh-độ lại quá giản dị. Hai điểm ấy dường như cách biệt, khiến cho người nghe khó nén lòng nghi. Nói rộng lớn, là môn này thâm nhiếp tất cả căn cơ: trên từ bậc Đẳng-giác Bồ-tát, vị Nhất sanh bổ xứ đều cầu về Tịnh-độ, dưới cho đến ngu phu ngu phụ, ngũ nghịch, thập ác, nếu quyết tâm tín hướng đều được vãng sanh. Nói giản dị, là người tu không phải gian nan lao khổ, chỉ trì niệm sáu chữ hồng danh, mà thoát Ta Bà, sanh Cực Lạc, được bất thoái, cho đến thành Phật. Bởi có sự rộng lớn mà lại giản dị như thế nên dù người trí cũng sanh nghi. Nếu ông

nhận thức rõ được điểm này, tất sẽ biết lời khen của ngài Vĩnh Minh rất có ý thâm, mà không phải là quá đáng.

2- **HỎI:** *Những bậc ngộ đạt trong Thiên tông, đã thấy tánh thành Phật, há lại không chịu cầu sanh về Tây phương ư?*

ĐÁP: *Thật ra ông chưa biết đó thôi. Chính những bậc ngộ đạt càng cấp thiết cầu sanh. Cổ đức đã bảo: “Không cầu về Tịnh-độ, còn nguyện sanh cõi nào?”. Nay ông chưa ngộ đạo, giả sử khi được tỏ ngộ rồi, e cho tâm niệm cầu sanh Cực Lạc của ông, muôn trâu cũng không thể kéo lại!*

3- **HỎI:** *Phật, Tổ ra đời vì độ chúng sanh, học giả chỉ lo việc lớn chưa xong. Nếu đã phát minh đại sự (tức ngộ đạo), nên theo gương đấng Đại-giác, hiện thân vào nơi chốn khổ, không hiểm đường sanh tử, mà độ khắp hàm linh. Nếu bậc đã ngộ đạt mà*

còn cầu sanh Tịnh-độ, chán khổ tìm vui, không đoái đến kẻ đang ở trong vòng chìm đắm. Tôi dù ngu hèn, vẫn không thích làm như vậy!

ĐÁP: *Thấy chiếc trứng mà muốn cho nó nở liền, tâm niệm ấy sao mà vội gấp! Ông cho rằng một phen tỏ ngộ, thì nghiệp tập đã dứt sạch, được ngay vị bất thoái chuyển ư? Và cũng không còn học khắp Phật Pháp, không cần phải tu hành thêm để chứng những quả vị từ thấp đến cao ư? Hay là ông lại nghĩ: Một phen ngộ đạo, tất đã đồng hàng với chư Phật, có thể vào sanh ra tử không bị chướng duyên nhiều loạn ư? Nếu quả như thế thì chư đại Bồ-tát trải qua hàng hà sa kiếp tu sáu độ muôn hạnh, cũng đều phải hổ thẹn với ông! Cổ giáo đã có lời răn nhắc: “Hàng Thanh-văn còn muội lúc ra thai, bậc Bồ-tát còn mê khi cách ăm!”. Hai hạng ấy mà*

còn như thế, huống chi người ngộ giải non kém, tự cứu chưa xong giữa đời này ư? Dù cho chỗ tỏ ngộ có sâu xa, trí thông hiểu có cao sáng, hạnh cùng giải hợp nhau, chí quyết muốn độ người. Nhưng vì chưa lên hàng bất thoái, lực dụng chưa đầy đủ, mà muốn ở cõi đời ác này hóa độ kẻ cương cường, điều ấy bậc tiên thánh cũng chưa hứa nhận. Ví như đem chiếc thuyền đóng trám chưa kỹ, để vớt người nơi biển dậy ba đào, cái họa trầm溺 cả đoàn tất không tránh khỏi. Cho nên Luận Vãng Sanh nói: “Muốn du hành nơi địa ngục, muốn cứu độ chúng hữu tình mê khổ, trước phải cầu sanh về cõi kia, đợi khi chứng được vô sanh nhẫn rồi sẽ trở lại đường sanh tử mà thật hành bản nguyện. Do nhân duyên ấy nên người tu mới cầu về Tịnh-độ”. Lại tiên thánh cũng đã bảo: “Chưa được vị bất thoái chuyển, chưa chứng vô

sanh nhẫn, cần phải thường không rời Phật. Ví như trẻ thơ không nên xa mẹ, như chim non chỉ có thể chuyền cành”.

Nay ở cõi Ta Bà, đức Thích Ca đã diệt, Phật Di Lạc chưa sanh. Bốn đường khổ thú, nhân quả dây dưa, trăm mối ngoại tà, thị phi rối loạn. Sắc tốt tiếng dâm hàng khuyến dụ, cảnh hư duyên ác mãi vây quanh. Trong hiện trạng ấy, đã không có Phật để nương nhờ, lại bị cảnh duyên làm khuấy động, hàng sơ tâm ngộ đạo hỏi mấy ai không bị thoái lui? Cho nên đáng Thế Tôn ân cần chỉ về Cực Lạc. Đức Di Đà hiện đang nói pháp, cảnh diệu độ muôn thứ thuận duyên. Đã nương nhờ hải chúng, nhẫn lực mau thành, lại gần đáng Pháp-vương, Phật thừa dễ đạt. Chừng ấy muốn ra ứng hóa độ sanh, còn chi trở ngại? Cũng vì lẽ ấy, bậc thượng căn lợi trí còn nguyện thác sanh, hướng

chi ông là hạng trung hạ mới được đôi chút giải ngộ?

Ông há không thấy trong kinh Quán Phật Tam Muội, ngài Văn Thù tự bày tỏ túc nhân, bảo mình đã chứng Niệm Phật Tam Muội, thường sanh Tịnh-độ? Do đó, đức Thế Tôn thọ ký cho ngài: “Được sanh Cực Lạc”.

Lại chẳng thấy trong kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ-tát đem mười đại nguyện vương khuyến tấn Thiện Tài đồng tử và đại chúng, nên dùng công đức đó cầu sanh về Cực Lạc ư?

Lại chẳng thấy trong kinh Lăng Già, đức Thế Tôn đã huyền ký: “Sau xứ Nam Thiên Trúc, có danh đức Tỳ-kheo, tôn hiệu là Long Thọ, chứng Sơ Hoan Hỷ Địa, sanh về cõi Cực Lạc” ư?

Và chẳng thấy trong Luận Khởi Tín, Mã Minh Bồ-tát khen ngợi sự vãng sanh.

Trong kinh Đại Bảo Tích, Phật hứa khả cho Tịnh Phạn Vương và bảy vạn Thích chủng đồng về An dưỡng. Trong kinh Thập Lục Quán, đức Thế Tôn chỉ dạy phương pháp cho bà Vi Đề Hy cùng 500 thị nữ được lễ kính đức A Di Đà ư?

Vua Tịnh Phạn và bà Vi Đề Hy hiện tiền đều đã chứng vô sanh pháp nhẫn. Ở Tây Trúc những hạng ấy cầu vãng sanh rất nhiều. Đông-độ có Viễn Công ở Lô Sơn cùng các bậc cao như trong Liên xã. Những vị tôn túc 2 tông Thiên Thai, Hiền Thủ, đều dùng môn niệm Phật tự tu độ người, khuyến hóa Tăng tục cầu sanh Tịnh-độ. Nói chung những bậc cao đức tu tịnh nghiệp số lượng không biết bao nhiêu mà kể! Văn Thù, Phổ Hiền là bậc đại Bồ-tát; Thiện tài đồng tử và hải chúng Hoa Tạng đều là bậc đại như trong 54 ngôi vị; Mã Minh, Long Thọ là

bậc đại Tổ sư. Những Thánh như vậy chỗ ngộ và chứng siêu xuất hơn chúng ta ngày nay như trời với vực, mà còn nguyện sanh về Tây phương. Ông bảo rằng đã tỏ ngộ không cần về Cực Lạc, thì các ngài Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, chắc là không bằng ông rồi! Ông thử tự lượng xem chỗ tu chúng có bằng 2 bậc đại sĩ và 2 vị Tổ sư; sự tham ngộ có bằng ngài Thiện Tài cùng hải chúng; cảnh giới sở đắc và được Phật hứa khả có bằng vua Tịnh Phạn và bà Vi Đề Hy chăng? Vả lại, Tịnh Phạn Vương là thân sanh của Phật, 7 vạn Thích chủng là tộc thuộc của ngài. Nếu sự về Tịnh-độ không có lợi ích thì đức Thế Tôn đâu nữa khiến phụ vương và hàng thân thuộc cầu vãng sanh? Trước kia đã nói bậc chúng được vô sanh nhẫn có thể vào tục độ sanh. Nay vua Tịnh Phạn đã đắc quả ấy mà đức Như Lai còn khuyên vãng sanh,

thì biết việc này cần thiết lắm.

Vì lẽ ấy nên ngài Vĩnh Minh động mỗi bi tâm đem hết tâm gan chủ trương Tịnh-độ, đã tự tu lại khuyên đời. Lâm chung, đại sư biết trước ngày giờ, có các điềm lành ứng hiện. Lúc trà tỳ, xá lợi vô số. Về sau có một vị Tăng ở Phủ Châu, thường cung kính đi nhiễu xung quanh tháp của ngài. Nhiều người hỏi lý do thì vị Tăng ấy đáp: “Nhân lúc tôi bị bệnh nặng, thân thức đi vào minh giới, Diêm Vương xét thấy thọ số chưa mãn, cho đưa trở về. Khi ấy tôi thấy bên phía tả đại điện có thiết bàn thờ di tượng một vị đại đức, Diêm Vương lễ bái ân cần. Hỏi ra thì quan Chủ Lại bảo đó là chân dung của Vĩnh Minh Thọ thiên sư. Vì ngài tu hành tinh tấn, được sanh về thượng phẩm ở Cực Lạc, nên Diêm vương họa tượng để thờ”. Vĩnh Minh đại sư là bậc đã ngộ suốt môn thiên

trực chỉ của Tổ Đạt Ma, mà lại gởi chất nơi phẩm sen thượng thượng bên trời An dưỡng. Sự kiện ấy làm duyên khuyến tấn cho chúng sanh đời mạt pháp. Cho nên tôi nói ngài rất có công đối với bên Tông cũng như bên Giáo.

Tử Tâm Tân thiên sư đã ngộ bên Thiên, lại khuyên tu bên Tịnh: Di Đà rất dễ niệm, Tịnh-độ rất dễ sanh. Người tham thiền niệm Phật rất tốt. Nếu căn cơ còn kém, e đời nay chưa đạt ngộ, kiếp sau dễ lạc bến mê, thì nên nhờ sức bi nguyện của đức A Di Đà để vãng sanh Cực Lạc. Chí tâm niệm Phật mà không được về Tịnh-độ, lão Tăng xin chịu đọa địa ngục Bạt Thiệt (ngục rút lưỡi).

Chân Yết Liễu thiên sư, trong bài văn khuyên tu Tịnh-độ, có nói: “Tại sao người trong tông Tào Động, ngoài sự tập thiền, còn tu Tịnh-độ? Vì pháp môn niệm Phật

là con đường tắt, ngoài sự tiếp dẫn bậc thượng thượng căn còn thâm nhiếp hạng người trung hạ. Vào được môn này, tức có thể vào được vô lượng pháp môn khác ...”.

Đến như các thiên sư: Thiên Y Hoài, Viên Chiếu Bản, Từ Thọ Thâm, Nam Nhạc Tư, Pháp Chiếu, Tịnh Yết, Tịnh Từ Đại Thông, Thiên Thai Hoài Ngọc, Lương Đạo Trân, Đường Đạo Xước, Tỳ Lăng Pháp Chân, Cô Tô Thủ Nạp, Bắc Nhàn Giản, Thiên Mục Lễ, những đại lão ấy là bậc tông tượng trong thiên môn, song xét ra chỗ hiển hóa đều phát dương ý chỉ Tịnh-độ. Ngài Bá Trượng Trí Hải thiên sư là đích tử của Giang Tây Mã Tổ. Những tông lâm trong thiên hạ đều y theo cách thức của ngài mà kiến lập. Thanh quy ở khắp Thiên môn đều y theo pháp chế của ngài mà cử hành. Từ xưa đến nay không ai dám có lời thị phi

và trái với pháp chế ấy. Theo thanh quy của ngài, thì nghi thức tụng cầu cho những vị Tăng bệnh nặng, có lời văn như sau: “Phải nhóm chúng lại, tất cả đồng tụng bài kệ tán Phật A Di Đà, rồi cao tiếng niệm Nam mô A Di Đà Phật, hoặc trăm câu, ngàn câu. Khi niệm xong, hồi hướng phục nguyện rằng: Nếu các duyên chưa mãn, sớm được an lành. Như hạn lớn đến kỳ, sanh về An dưỡng”. Đó chẳng phải là bằng chứng chỉ quy Tịnh-độ hay sao?

Lại trong nghi thức đưa những vị Tăng đã tịch, có đoạn nói: “Đại chúng đồng niệm A Di Đà Phật, hồi hướng phục nguyện rằng: Thân siêu cõi tịnh, nghiệp dứt đường trần, thượng phẩm sen nở hiện kim thân, nhất sanh Phật trao phần quả ký”. Đó không phải là bằng chứng chỉ quy Tịnh-độ hay sao?

Đến như lúc trà tỳ, trong thanh quy lại dạy: Vị Duy-na chỉ dẫn khánh niệm Nam mô Tây phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật 10 lần, đại chúng đồng xướng họa theo. Khi xướng xong, lại hồi hướng rằng: “Trước đây xưng dương 10 niệm, phụ giúp vãng sanh...”. Đó không phải là bằng chứng chỉ quy Tịnh-độ hay sao?

Nhân đó tôi lại chợt hiểu chỗ lập pháp của Tổ Bá Trượng tất có thâm ý nhiệm mầu...

Nay ông ở tông lâm, thân đã đưa không biết bao nhiêu vị Tăng quy tịch, tai cùng miệng đã nghe và xướng không biết bao nhiêu lần 10 niệm, ý đã chuyên chú hồi hướng về Tịnh-độ lại không biết bao nhiêu lần nữa! Thế mà ông đã không hiểu ý Tổ sư, đã không phát lòng thức tỉnh, lại lầm bảo: Những bậc ngộ đạt

không nguyện vãng sanh. Quả thật cái bệnh cố chấp trong thiên hạ, không còn ai hơn ông được.

4- **HỎI:** *Thường nghe nói: “Di Đà bản tánh, Tịnh-độ duy tâm”. Nay xem kinh luận về tông này, thì Tịnh-độ là miền Cực Lạc ngoài 10 muôn ức cõi, Di Đà là vị giáo chủ ở Liên bang. Như vậy thì ngoài nghĩa lý duy tâm bản tánh rồi! Thế là ý chỉ gì?*

ĐÁP: Ông không biết rằng chân tâm của ông rộng rãi và sáng suốt vô cùng. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Những non sông đất liền cho đến hư không ở ngoài sắc thân ta, đều là cảnh vật trong chân tâm mâu sáng”. Lại nói: “Các pháp sanh hóa, đều là hiện cảnh của duy tâm”. Thế thì đâu có cõi Phật nào ngoài tâm ta ư? Cho nên ý nghĩa của Tịnh-độ duy tâm là nói cõi Tịnh-độ ở trong chân tâm của ta, như biển cả nổi lên vô lượng bóng bọt, mà

không có bóng bọt nào ở ngoài biển cả. Lại như những hạt bụi nơi đất liền, không có hạt bụi nào chẳng phải là đất, cũng như không có cõi Phật nào chẳng phải là tâm. Nên Tiên Thánh đã nói: “Chỉ một tâm này có đủ 4 cõi là: Phàm Thánh Đồng Cư, Phương Tiện Hữu Dư, Thật Báo Vô Chướng Ngại và Thường Tịch Quang”.

Cõi Phàm Thánh Đồng Cư có 2: Đồng Cư Tịnh-độ và Đồng Cư uế độ. Đồng Cư uế độ như cõi Ta Bà, phàm Thánh ở chung. Phàm và Thánh đều có 2 hạng. Hai hạng phàm là ác (4 thú) và thiện (trời người). Hai hạng Thánh là Thật Thánh và Quyền Thánh. Thật Thánh là bốn đạo quả, Bích Chi Phật, thất Địa trong Thông giáo, thập Trụ trong Biệt giáo, thập Tín hậu tâm trong Viên giáo. Những vị này thông-hoặc đã dứt tuy sắc thân quả báo hầy còn, nên đều gọi là “Thật”. Quyền

Thánh là Phật, Bồ-tát vì lợi lạc kẻ hữu duyên ứng sanh vào cõi Đồng Cư. Cảnh cư trú, về phần khí thế giới có hầm hố, gai góc, bùn đất, cùng các tướng như nhớp. Về phần hữu tình giới có bốn ác thú, nên gọi là “uế độ”. Đồng Cư Tịnh-độ như cõi Cực Lạc, tuy y báo chánh báo trang nghiêm mâu nhiệm, không bốn ác thú, song như kinh nói: “Người phạm tội nặng, lâm chung chí tâm sám hối và niệm Phật đều được vãng sanh”. Do đó nên biết cõi này gồm có chúng sanh còn hoặc-nhiễm. Thế giới Cực Lạc cũng có 2 hạng thánh cư Quyền và Thật.

Cõi Phương Tiện Hữu Dư là chỗ ở của bậc Nhị thừa và Bồ-tát đã chứng phương tiện đạo. Những vị này do tu 2 môn quán, dứt thông-hoặc, phá trần sa, bỏ thân phận đoạn thọ thân pháp tánh, tự tại ở ngoài ba cõi. Vì chưa đoạn biệt-hoặc vô

minh, còn biến dịch sanh tử nên gọi là Hữu Dư.

Cõi Thật Báo Vô Chướng Ngại không có Nhị thừa, chỉ thuần Pháp-thân Bồ-tát đã phá từng phần vô minh, chứng từng phần pháp tánh, được quả báo chân thật, nên cũng gọi là Quả Báo Độ. Kinh Nhân Vương nói: “Ba Hiền mười Thánh trụ Quả Báo Độ”. Sở dĩ gọi “Thật Báo”, vì các đại sĩ quán thật tướng, phát chân vô lậu, trở về sống với chân tánh của mình. Gọi “Vô Chướng Ngại”, vì tu chân-không định, sắc cùng tâm không ngăn ngại lẫn nhau. Trong kinh Hoa Nghiêm thuyết minh thế giới Nhân-đà-la-võng, chính là cảnh này.

Cõi Thường Tịch Quang là chân lý pháp giới như như, sáng suốt cùng cực của bậc Diệu-giác. Đây là Phật tánh chân như, tức độ là thân, tức thân là độ, thân và độ không 2, là trụ xứ của đức Tỳ Lô

Giá Na, cũng gọi là Pháp Tánh Độ. “Thường” là đức Pháp-thân, “Tịch” là đức Giải thoát, “Quang” là đức Bát Nhã. Như chữ Y có 3 điểm, không thể cách lìa, 1 tức là 3, 3 nguyên vẫn 1. Đây cũng gọi là bí mật tạng, là cảnh giới du hóa của Như Lai, cứu cánh chân thường, thanh tịnh cùng cực.

Hai cõi trước là chỗ ở của Ứng-thân Phật. Cõi thứ 3 cũng thuộc về Ứng, cũng thuộc về Báo, mà chính thức là chỗ ở của Báo-thân Phật. Cõi thứ 4 là chỗ ở của Pháp-thân Phật.

Bốn cõi trên đây tùy theo chỗ tu chứng mà phân chia, song kỳ thật vẫn là một. Cho nên chân tâm bao trùm muôn tượng. Vô biên quốc độ như vi trần ở khắp mười phương, chính là cảnh giới trong tâm ta. Hằng sa ba đời chư Phật, cũng trong tâm ta. Thế thì miền Cực Lạc

ngoài 10 muôn ức cõi, há chẳng phải là cảnh Tịnh-độ của Duy Tâm ư?

Thế giới Cực Lạc đã như thế, thì vị Giáo chủ ở cõi ấy cũng là đức Di Đà của bản tánh. Nên biết chỉ một tâm này bao trùm đủ 10 giới, thân và độ dung thông, trùng trùng không ngại. Lại nên biết tâm, Phật, chúng sanh, 3 chính là 1, đồng thể không khác nhau, sanh và Phật hỗ hiện, mỗi niệm giao tham. Cho nên cổ đức nói: “Chúng sanh trong tâm chư Phật, mỗi trần đều là Cực Lạc. Chư Phật trong tâm chúng sanh, mỗi niệm chính thật Di Đà. Mười phương tịnh ược gom về trong khoảng sát na. Một niệm sắc tâm, bủa khắp gồm thấu pháp giới”. Xem thế thì biết tất cả đều sẵn đủ trong thể thiên chân, không phải do duyên khởi mới thành lập. Một tâm niệm đã như thế, một điểm trần lại khác chi? Vì vậy nên mới có

thể: “Trong mỗi mỗi trần tất cả cõi. Trong mỗi mỗi tâm tất cả tâm. Mỗi mỗi tâm trần lại khắp nhau. Trùng trùng không tận không chướng ngại. Đồng thời hiện rõ không ẩn hiển. Tất cả viên thành chẳng kém hơn”. Cảnh giới chân tâm bao hàm vô biên quốc độ trên đây, như lưới báu Thiên-châu của trời Đế Thích. Bóng và ánh sáng của bao nhiêu hạt châu đều gom hiện vào một hạt châu. Bóng và ánh sáng của một hạt châu lại hiện khắp vào tất cả các hạt châu khác. Tuy mỗi mỗi hạt châu giao hiện lẫn nhau, nhưng hạt châu này không thể là hạt châu kia, hạt châu kia không thể là hạt châu này, xen mà không tạp, lia mà chẳng phân, mỗi mỗi khắp bày, vẫn không sở tại! Thế giới Cực Lạc cũng như một trong các hạt châu. Nói tinh tế hơn, khắp mỗi cõi từ tam thừa Thánh nhơn cho đến trời, người, tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, mỗi

mỗi lại cũng như một trong các hạt châu. Và đức A Di Đà cũng là một trong các hạt châu. Cho nên, thấy một vị Phật, tức thấy mười phương chư Phật, mà cũng là thấy chín giới chúng sanh ở khắp mười phương. Cõi Phật vô biên, mười phương kim cổ, toàn thể là một hải ấn đốn viên, không còn pháp chi khác nữa!

Như thế thì: Thân trải qua mười muôn ức cõi, chính hóa sanh trong bản tâm ta. Chất gỏi nơi chín phẩm hoa sen, há cách biệt ngoài chân như Phật? Những lời dẫn giải trên đây đều là những minh huấn của Phật Tổ, Thánh Hiền đã tuyên dương. Hiểu được lý này tất sẽ thấy thế giới Cực Lạc là duy tâm, mỗi cõi Phật mỗi điểm trần đều là duy tâm. Đức Di Đà là bản tánh, mỗi vị Phật mỗi chúng sanh cũng đều là bản tánh.

LỜI PHỤ: Pháp giới chân tâm là một

thể rộng rãi vô biên, bao hàm vi trần thế giới, chư Phật và chúng sanh. Trong thể nhất chân ấy, phần thế giới chúng sanh luôn luôn biến đổi, thuộc về Sanh-diệt- môn; phần tịch quang lặng mầu sáng suốt và thường hằng, gọi là Chân-như-môn. Chân tâm là một thật thể chung, gồm 2 môn hữu vi và vô vi đó. Tất cả những danh từ: Chân tâm, bản tánh, bản thể, Phật tánh, Như Lai Tạng, pháp giới, pháp tánh, thật tướng, Niết-bàn, Pháp-thân, vô cấu bạch tịnh thức, Như Lai A-lại-da thức, bản lai diện mục, Bát Nhã, chân không... đều là chỉ cho thật thể ấy. Để trở về thật thể này, giáo môn của Phật chia làm 2. Các tông như: Thành Thật, Tam Luận, Thiên Thai, Thiên, Thai Tạng bộ của Mật giáo, từ nơi Không-môn mà đi vào. Còn các tông: Câu Xá, Pháp Tướng, Luật, Hoa Nghiêm, Tịnh-độ và Kim Cang

bộ của Mật giáo, lại do nơi Hữu-môn mà thể nhập. Cho nên những vị hiểu sâu về lý Bát Nhã của Thiên, hay lý huyền môn của Hoa Nghiêm, đều nhận rõ: sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc chính là không, không chính là sắc. Trái lại, các vị học chưa thấu đáo, nếu không chấp có tất cũng chấp không. Nhưng chấp có thì còn biết kiêng sợ nhân quả, lánh dữ làm lành, đời sau hưởng phước nhân thiên, hoặc chuyên niệm Phật lại có thể sanh về Tịnh-độ. Đến như chấp không tất sẽ đi đến chỗ bài nhân quả, bác Phật Thánh, tương lai bị đọa xuống tam đồ. Cho nên tiên đức đã răn bảo: “Thà chấp có như non Tu, chớ chấp không như hạt cải!”

Vì chưa nhận rõ chân tâm, nên nghe nói “duy tâm Tịnh-độ, bản tánh Di Đà”, vội hiểu lầm rằng tâm mình thanh tịnh đó là Tịnh-độ là Di Đà rồi, chớ không có

cõi Cực Lạc hay đức Di Đà nào khác nữa. Phật Pháp dù ở xứ nào, Trung Hoa hay Việt Nam cũng có hạng người tà kiến chấp không ấy. Đại khái họ bác không có Di Đà, Cực Lạc, không có địa ngục, thiên cung, hoặc như nói Địa Tạng là tâm địa tánh tạng, chớ không có đức Địa Tạng nào cả. Như người đeo cặp kính đen thì thấy nơi nào cũng tối tăm, những kẻ ấy dù có giảng thuyết bao nhiêu lời, diễn dịch bao nhiêu kinh sách, kết cuộc cũng lạc vào bệnh không-chấp. Những kẻ chấp-không thường tự cao tự mãn, cho mình là cao siêu, bác người là chấp tướng. Xét ra khi diễn dịch kinh, họ cũng có tâm muốn hoằng dương Phật Pháp, không dè ngược lại thành ra kết quả hủy báng Tam-bảo. Tự mình đã sai lầm, khiến cho bao nhiêu người khác bị lầm lạc theo. Ví như kẻ dung-y đem tâm muốn cứu đời, chẳng ngờ sự học hiểu về y dược không rành, trở lại

làm cho nhiều người thêm bệnh.

Cho nên sự dịch kinh, thuyết pháp, vị tất là có phước, là hoằng dương Phật giáo, nếu hành giả lạc vào tà kiến, không hiểu ý kinh.

5- *HỎI: Đã gọi tịnh ược dung thông, mỗi điểm trần đều là Cực Lạc, tại sao cõi Ta Bà lại thành ược độ?*

ĐÁP: Do nghiệp cảm của phàm phu, chính nơi tịnh mà thành ược. Còn Phật nhãn nhìn xem, tất cả ược đều thành tịnh. Báo cảnh của đức Thích Ca, há phải thật là ược ư?

6- *HỎI: Nhưng kẻ còn trệ nơi tình mê, chưa lìa nghiệp ược, làm sao mà được thanh tịnh?*

ĐÁP: Tâm nhớ thì cõi nhớ, tâm sạch thì cõi sạch. Kinh Duy Ma nói: “Muốn được Tịnh-độ, trước phải tịnh tâm. Tùy

tâm thanh tịnh, cõi Phật thanh tịnh”. Pháp tu Tịnh-độ là một môn huyền diệu để đi đến chỗ tịnh tâm, không còn phương tiện nào đặc biệt hơn nữa!

7- HỎI: Về phần đại khái của pháp môn Tịnh-độ, tôi có thể nghe được chăng?

ĐÁP: Tịnh-độ nguyên không chi tu, tu nhân bởi mê lầm mới có. Pháp môn vẫn không cao thấp, cao thấp do căn tánh mà phân. Vì chúng sanh căn cơ sai biệt, nên pháp tu cũng có nhiều. Tóm lại, có 3: quán tưởng, ức niệm và chúng hạnh.

1/. QUÁN TƯỞNG. Quán Kinh dạy: “Chư Phật Như Lai là thân pháp giới, vào trong tâm tưởng của tất cả chúng sanh. Cho nên khi tâm các ông tưởng Phật, thì tâm ấy chính là 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp tùy hình, tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật. Biến chánh biến tri của Phật từ nơi tâm tưởng mà sanh. Vì thế các ông phải

nhớ nghĩ và quán tưởng kỹ thân đức Phật A Di Đà”.

Thiên Thai Sớ nói: Pháp giới thân là Pháp-thân. Tâm chúng sanh tịnh, Pháp-thân tự hiện, nên gọi là: “vào”. Như khi vắng hồng nhật mọc lên, tất bóng hiện xuống trăm sông. Đây là chỉ cho Phật thân tự tại, có thể tùy vật hiện hình. Lại “pháp giới thân” là chỉ cho thân Phật, khắp tất cả chỗ, lấy pháp giới làm thể. Khi hành giả chứng được môn Quán Phật Tam Muội này, giải nhập tương ứng, nên nói “vào trong tâm tưởng”. “Tâm này làm Phật” là Phật nguyên vẫn không, nhân chúng sanh tâm tịnh mới có. “Tâm này là Phật”, ý nói trước nghe bảo: Phật nguyên vẫn không, nhân chúng sanh tâm tịnh mới có, sợ e người hiểu lầm cho rằng bỗng nhiên mà có, nên mới nói “là Phật”. Mới

khởi tu quán nên nói “làm”, sự tu đã thành nên gọi “là”.

Diệu Tông Thích nói: Muốn tưởng thân Phật, phải hiểu rõ quán thể. Thể đó là bản giác. Từ nơi đây mà khởi thành pháp quán. Bản giác là thân pháp giới của chư Phật, vì chư Phật không sở chứng chi khác, toàn chứng bản tánh của chúng sanh. Nếu thủy giác có công, bản giác mới hiển, nên nói “Pháp-thân từ nơi tâm tưởng mà sanh”. Lại đức Di Đà cùng tất cả chư Phật đồng một Pháp-thân, một trí huệ, sự ứng dụng cũng như vậy. Hiển được thân đức Di Đà tức là hiển được thân chư Phật, tỏ được thân chư Phật tức là lộ được thể Di Đà. Cho nên trong văn kinh nói rộng qua chư Phật để kết về sự quán tưởng đức A Di Đà. Từ mấy chữ “thân pháp giới” trở xuống là nói về sự giao cảm của đạo cảm ứng và ước về lý

giải nhập tương ứng.

Phê bình về 2 lời giải trên, ngài Dung Tâm đã nói: “Nếu không có lời giải trước, thì môn quán tưởng ấy không phải là quán Phật. Như không có lời giải sau, e học giả hiểu lầm rằng thể của chúng sanh và Phật khác nhau. Hai lối giải đã tác thành cho nhau mà thuyết minh quán pháp vậy”.

2/. ỨC NIỆM. Hành giả hoặc duyên theo tướng tốt, hoặc trì danh hiệu của Phật, đều gọi là ức niệm. Môn này có lý có sự. Trong kinh Hoa Nghiêm, Giải Thoát trưởng giả nói: “Nếu tôi muốn thấy đức Vô Lượng Thọ Như Lai và thế giới An Lạc, thì tùy ý liền được thấy. Tôi có thể biết rõ tất cả chư Phật, quốc độ tùy thuộc, cùng những việc thần thông của các ngài. Bao nhiêu cảnh tượng trên đây, không từ đâu mà đến, không đi về đâu,

không có xứ sở, không chỗ trụ. Cũng như thân tôi không thật có đi đứng, tới lui. Các đức Như Lai kia không đến chỗ tôi, tôi cũng không đi đến chỗ các ngài. Sở dĩ như thế, vì tôi hiểu rõ tất cả chư Phật cùng với tâm mình, đều như mộng. Lại hiểu tự tâm như nước, các pháp như hình bóng hiện trong nước. Tôi đã ngộ tâm mình như nhà huyền thuật, tất cả chư Phật như cảnh huyền hóa. Lại biết chư Phật Bồ-tát trong tự tâm, đều như tiếng vang, như hang trống tùy theo âm thanh mà phát ra tiếng dội lại. Vì tôi ngộ giải tâm mình như thế nên có thể tùy niệm thấy Phật”.

Về đoạn kinh trên, ngài Trinh Nguyên giải rằng: “Từ câu đầu đến mấy chữ “chỗ của các ngài” chính là thuyết minh lý duy tâm, nếu ngộ tức tâm mà vô tâm liền vào chân như tam muội. Khi

hành giả hiểu rõ các cảnh tướng đều hư huyền, duy tâm hiện ra, đã ngộ duy tâm và tức tâm là Phật, thì tùy chỗ tưởng niệm, không đâu chẳng là Phật. Đoạn sau nêu ra 4 điều thí dụ: *cảnh mộng* là dụ cho lý không đến không đi, *hình bóng trong nước* là dụ cho lý không ra không vào, *tướng huyền hóa* là dụ cho lý chẳng có chẳng không, *tiếng vang* là dụ cho lý chẳng tan chẳng hợp. Và dụ thứ nhất là nói toàn thể đều duy tâm, dụ thứ hai nói vì duy tâm nên “không”, dụ thứ ba nói vì duy tâm nên “giả”, dụ thứ tư nói vì duy tâm nên “trung”. Bốn dụ đều đủ 4 quán, gồm thông và biệt để hiển lý duy tâm, tất cả vẫn viên dung không ngại. Đó là ý kinh Hoa Nghiêm”.

Nếu hành giả hiểu rõ lý trên đây, rồi chấp trì 4 chữ A Di Đà Phật, gọi là “lý ức niệm” hay “lý nhất tâm”.

Về “sự ước niệm”, như trong kinh Lăng Nghiêm nói: “Nhớ Phật niệm Phật, hiện đời hoặc đương lai nhất định sẽ thấy Phật, cách Phật không xa, không cần mượn phương tiện chi khác mà tâm tự được khai ngộ”. Hay như các kinh sách khác đã chỉ dạy: hoặc hệ niệm suốt một đời, hoặc trì niệm trong 3 tháng, 49 ngày, một ngày đêm, cho đến 7 ngày đêm, hoặc mỗi buổi sớm mai giữ 10 niệm. Nếu hành giả dùng lòng tin sâu, nguyện thiết, chấp trì câu niệm Phật như rồng gặp nước, như cọp dựa non, thì được sức Phật gia bị đều vãng sanh về Cực Lạc. Cho đến phàm phu ngũ nghịch thập ác, lâm chung chí tâm xưng danh hiệu Phật 10 niệm, cũng được vãng sanh. Đây gọi là “sự nhất tâm”.

Nói tóm lại, lý nhất tâm là người thông đạt 4 lý quán trên, dùng tâm ấy mà

niệm Phật, tương ứng với không huệ, đi đến chỗ thuần chơn. Sự nhất tâm là hành giả tâm còn giữ niệm, mỗi niệm không cho xen hở, đi đến chỗ không còn tạp niệm. Lý nhất tâm là hành môn của bậc thượng căn, sự nhất tâm thông về hàng trung hạ.

3/. CHÚNG HẠNH. Hành giả dùng nhiều hạnh để vãng sanh về Cực Lạc.

A/. Kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ-tát khuyến tấn hải hội dùng 10 đại nguyện vương cầu sanh Tịnh-độ. Mười đại nguyện ấy là: lễ kính chư Phật, khen ngợi Như Lai, rộng tu cúng dường, sám hối nghiệp chướng, tùy hỷ công đức, thỉnh chuyển pháp luân, thỉnh Phật trụ thế, thường theo Phật học, hằng thuận chúng sanh và hồi hướng khắp cả. Trong mỗi nguyện đều nói: “Cõi hư không, cõi chúng sanh, nghiệp chúng sanh, phiền não

chúng sanh hết thì nguyện tôi mới hết”. Và hành giả phải dùng 3 nghiệp thân, khẩu, ý, thật hành nguyện đó không gián đoạn, không chán mỏi. Đến khi lâm chung, tất cả mọi thứ tùy thân đều để lại, cho đến các căn đều tan rã, duy đại nguyện ấy hằng theo bên mình. Trong khoảng sát na, hành giả liền được sanh về Cực Lạc. Đây là dùng nguyện lực để vãng sanh.

B/. Kinh Đại Bảo Tích, đức Thế Tôn bảo ngài Di Lạc: “10 thứ tâm này, không phải hạng phàm ngu, bất thiện, kẻ nhiều phiền não có thể phát được:

1- Đối với chúng sanh khởi lòng đại tử, không tổn hại.

2- Đối với chúng sanh khởi lòng đại bi, không bức não.

3- Với chánh pháp, hết lòng hộ trì,

không tiếc thân mạng.

4- Với chánh pháp, hiểu tỏ rõ ràng, không chấp trước.

5- Diêm tĩnh an vui, không tham lợi dưỡng, cung kính.

6- Cầu chứng trí của Phật, trong tất cả thời không quên lãng.

7- Đối với chúng sanh khởi lòng tôn trọng, không khinh mạn.

8- Không tham trước thế luận, với Bồ-đề sanh lòng quyết định.

9- Tâm thanh tịnh không tạp nhiễm, siêng trông các căn lành.

10- Đối với chư Phật, xả ly các tướng, khởi lòng tùy niệm.

Thành tựu một trong 10 tâm, muốn sanh về thế giới Cực Lạc mà không được như nguyện, đó là điều không khi nào

có”. Đây là dùng tâm lực để vãng sanh.

C/. Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni, đức Quán Thế Âm Bồ-tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Nếu chúng sanh nào tụng trì thần chú Đại Bi, mà còn bị đọa vào 3 đường ác, tôi thề không thành chánh giác. Tụng trì thần chú Đại Bi, nếu không được sanh về các cõi Phật, tôi thề không thành chánh giác. Tụng trì thần chú Đại Bi, nếu không được vô lượng tam muội biện tài, tôi thề không thành chánh giác. Tụng trì thần chú Đại Bi, tất cả sự mong cầu trong đời hiện tại, nếu không được như nguyện, thì chú này không được gọi là Đại Bi Tâm Đà La Ni. Duy trừ cầu những việc bất thiện, trừ kẻ tâm không chí thành”. Ngoài ra, những kẻ chí tâm trì tụng các chú như: Bạch Tán Cái, Chuẩn Đề, Vãng Sanh, đều có thể sanh về Cực Lạc hoặc các Tịnh-độ khác. Đây là

dùng thân lực để vãng sanh.

D/. Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Muốn sanh về Cực Lạc, phải tu 3 thứ phước: 1) Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, tâm từ bi không giết hại, tu 10 nghiệp lành. 2) Thọ trì tam quy, giữ kỷ các giới, không phạm oai nghi. 3) Phát lòng Bồ-đề, tin lý nhân quả, đọc tụng kinh điển đại thừa, khuyến tấn người tu hành. Ba thứ phước này là chánh nhân tịnh nghiệp của chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai”. Đây là dùng phước lực để vãng sanh. Ngoài ra cất chùa, xây tháp, tạo tượng, lễ bái tán tụng, giữ gìn trai giới, đốt hương, rải hoa, cúng dường tràng phan bảo cái, trai tăng, bố thí, nếu hạnh lành thuần thực, dùng lòng tín nguyện hồi hướng, đều có thể vãng sanh.

Các điều dẫn ra trên đây gọi là chúng hạnh. Nguyện hạnh đã có lớn nhỏ

không đồng, lý sự sai biệt, thì việc thấy Phật, nghe pháp, cảm thọ y chánh tất cũng có hơn kém khác nhau.

Ấn Quang pháp sư đã nói: “Phàm phu vãng sanh, toàn nhờ từ lực của Như Lai”. Vậy người niệm Phật đời nay muốn vãng sanh đảm bảo, nên lấy sự trì danh làm phần chánh, còn các công đức như: tụng kinh, trì chú, bố thí và những hạnh lành khác, để vào phần trợ, mới là đường lối an toàn.

8- **HỎI:** *Tôi nghe Thiện Tài đồng tử là bậc viên đốn lợi căn, một đời được chứng quả, sao đức Phổ Hiền không khuyên ngài sanh về cõi Hoa Tạng mà lại khuyên sanh về Cực Lạc, là ý thế nào?*

ĐÁP: Trong Hoa Nghiêm Sớ có lời hỏi ấy. Sớ bản đã đáp: “Việc đó hàm ẩn nhiều lý do: Vì có nhân duyên, vì để tâm niệm được quy nhất, vì không lìa cõi Hoa Tạng,

vì tức là bản sư”. Hai lý do trước dễ hiểu. Lý do thứ 3 là trong thế giới Hoa Tạng có vi trần cõi Phật, miền Cực Lạc cách đây mười muôn ức Phật độ, tất cả đều không ngoài số sát chủng ấy. Lý do thứ 4 là như trong kinh nói: Hoặc thấy pháp hội Phật Vô Lượng Thọ, có nhiều vị Bồ-tát như Quán Thế Âm vi nhiễu, liền khen ngợi thân dị hóa của đức Tỳ Lô Giá Na. Tỳ Lô Giá Na Như Lai là giáo chủ cõi Hoa Tạng, đức A Di Đà đã là thân dị hóa của ngài thì đâu có khác chi ngài, vì thế nên mới nói “tức là bản sư”. Trong ấy lại nói: “Phổ Hiền Bồ-tát vì Thiện Tài và hải chúng kết khuyến về Cực Lạc bởi ngài Thiện Tài là bậc tin hiểu viên tông, vào trí Văn Thù, tu hạnh Phổ Hiền, phước huệ và sự lý đều xứng hợp pháp giới. Đó là bậc đại tâm, tuy đã ngộ thể bản minh, đồng hàng với chư Thánh, nhưng vì lực dụng chưa đầy đủ, không thể nhập thế làm lợi ích

khắp quần sanh như các đức Như Lai. Vì thế Phổ Hiền Bồ-tát khuyên ngài, cho đến hải chúng, nương về Tịnh-độ, gần gũi Di Đà, không ngoài ý muốn cho tất cả được mau chứng quả Phật”.

9- HỎI: Trong môn chúng hạnh nói: “Nguyện hạnh đã có lớn nhỏ không đồng, lý sự sai biệt, thì việc thấy Phật, nghe pháp, cảm thọ y chánh, tất cũng có hơn kém khác nhau”. Thế thì 2 môn quán tưởng ức niệm, nhân tu không đồng, sự cảm tướng có khác nhau chăng?

ĐÁP: Việc ấy cố nhiên là phải khác. Vì thế, ngài Vĩnh Minh đã bảo: “Sự vắng sanh có chín phẩm, không phải đồng một bậc. Hoặc có kẻ nương về hóa quốc, thấy ứng thân của Phật; hoặc có vị sanh nơi báo độ, thấy chân thể của Như Lai; hoặc có kẻ trải qua nhiều kiếp, mới chứng quả tiểu thừa; hoặc có vị vừa sanh một đêm

liên siêu lên thượng địa. Nói tóm lại, vì người vắng sanh căn hạnh không đồng, có độn căn lợi căn, có định ý tán ý, nên hoa nở có sớm muộn, quả chứng có chậm mau, thời hạn rất là cách biệt”. Từ Vân Sâm Chủ cũng bảo: “Tuy chia ra chín phẩm, nhưng đó chỉ là lược phân. Nếu tế phân lẽ ứng phải có vô lượng phẩm”.

10- HỎI: Cực Lạc chỉ là cõi Đồng Cư, không phải cõi Thật Báo, tại sao lại nói: “Hoặc có vị sanh nơi báo độ, thấy chân thể của Như Lai”?

ĐÁP: Ông cho rằng có cõi Thật Báo ở riêng ngoài cõi Đồng Cư hay sao? Nên biết ba cõi kia không lìa cõi Đồng Cư mà có, chỉ khác là thân, cảnh và sự thọ dụng không đồng nhau thế thôi! Như trong kinh nói: “Thân của Phật A Di Đà cao sáu mươi muôn ức na do tha hằng hà sa do tuần”. Các bậc cổ đức bình giải cho đó là

thân Thật Báo. Chẳng những thế giới Cực Lạc có 4 độ không đồng, mà các cõi khác cũng đều như vậy. Nên ngài Kinh Khê nói: “Ngay cõi Ta Bà này có đủ 4 độ. Như đương thời hải hội Hoa Nghiêm không là Thệ-đa-lâm, mà các bậc đại Thanh-văn vẫn không nghe thấy và hay biết”.

11- **HỎI:** *Nếu cõi Ta Bà có đủ 4 độ, thì chỉ nên ở tại đây mà lần lượt tu hành, cần chi phải cầu sanh Cực Lạc?*

ĐÁP: Cõi này tuy đủ 4 độ, nhưng vì thuộc về Đồng Cư ược độ, nên người tu khó trừ nghiệp nhiễm. Muốn thoát ly nhiễm nghiệp, hành giả phải cầu sanh về Đồng Cư Tịnh-độ ở Liên bang. Nên Tứ Minh tôn giả nói: “Cõi Ta Bà cảnh duyên trước ác nặng, người tu phải chứng đến vị Thập Tín mới thoát khổ luân. Miền Cực Lạc cảnh duyên thắng diệu, nên khi về chín phẩm đều lên hàng bất thoái.

Ông há không nghe trong kinh Pháp Hoa nói có những vị thọ giáo với Đại Thông Trí Thắng Như Lai, từ đó đến nay đã trải qua số kiếp như bụi nhỏ của vô lượng vô biên cõi Phật mà còn ở nơi địa vị Thanh-văn hay sao? Ấy đều bởi do mãi thoái chuyển nên phải trải qua thời kiếp lâu xa. Chẳng hạn như ngài Xá Lợi Phất tiền kiếp đã chứng đến Lục Trụ mà còn thoái tâm, hướng nữa là hạng tu hành lơ láo ư? Nói chung, ở cõi này vì có nhiều chướng duyên, nên người tu dễ bị lui sụt. Nên tiên đức đã bảo: “Số lượng Bồ-tát mới phát tâm nhiều như bông xoài trứng cá, nhưng kết cuộc còn lại không được bao nhiêu”. Nếu kẻ nào biết hướng về Cực Lạc, nhờ thắng duyên phàm phu, cũng lên ngay ngôi bất thoái.

12- **HỎI:** *Trong mười phương, cõi Đồng Cư Tịnh-độ rất nhiều. Nay lại riêng chỉ thế*

giới Cực Lạc là tại sao?

ĐÁP: Kinh Phật Thuyết A Di Đà nói: “Chúng sanh cõi ấy không có các khổ, chỉ hưởng những vui, nên gọi là Cực Lạc”. Cảnh duyên ở Cực Lạc, có nhiều sự kiện thuận lợi cho chúng sanh hơn các Tịnh-độ khác. Nay xin tạm đem cảnh duyên ở Ta Bà đối chiếu để so sánh lược qua:

CÔI TA BÀ	CÔI CỰC LẠC
1- Thân hình máu thịt như bản đau khổ.	1- Thân ánh sáng vi diệu hương khiết.
2- Bốn đại sanh già bệnh chết.	2- Trường xuân.
3- Ân ái biệt ly oán thù gặp gỡ, mong cầu không được, 5 ấm xí thịnh.	3- Thân, tâm, cảnh hoàn toàn an ổn giải thoát.
4- Hình thể xấu xa, 6 căn chẳng đủ.	4- 32 tướng hảo

5- Luân hồi 6 nẻo.	5- Vì được vô sanh pháp nhẫn nên ai cũng đồng thời bất thoái và nhất sanh bồ xứ.
6- Chết đọa về ác thú.	6- Cái tên ác cũng không có.
7- Cảnh hầm hố chông gai khó khăn di chuyển.	7- Lầu chói trần châu, hoa đua trăm sắc, thần thông bay lượn.
8- Chỉ nghe tên các Thánh. Tà ma, ngoại đạo, bạn ác.	8- Di Đà làm Thầy. Thanh tịnh đại hải Bồ-tát làm bạn.
9- Sắc thanh danh lợi mê hoặc, chướng duyên khó tu Thánh đạo.	9- Chim thuyết pháp, gió giảng đạo. Nước 8 công đức tiêu hết phiền não tội chướng.
10- Ác thú muỗi mòng.	10- Toàn thượng thiện nhân.

So sánh lược qua 2 cõi, cảnh duyên hơn kém thật đã cách xa, nếu nói cho kỹ thì sự ưu liệt làm sao kể xiết! Tuy nhiên tóm lại phần khái yếu cũng không ngoài 2 quan điểm: một là vì cảnh Cực Lạc thù thắng, nên có thể khích phát lòng mong mến và quy hướng của loài hữu tình; hai là duyên liên quốc nhiệm mầu, nên có thể giúp ích cho người vãng sanh dễ tiến mau trên đường tu chứng. Vì thế, cõi Đông Cư Tịnh-độ ở mười phương tuy nhiều, song riêng cõi Cực Lạc có đầy đủ thắng duyên, các kinh luận đều chỉ quy, cũng do lẽ đó.

13- **HỎI:** Mười phương có vô số Phật, đều là chỗ cho chúng sanh nương tựa. Nay lại riêng suy cử đức A Di Đà, là tại sao?

ĐÁP: Trong ấy có 3 lý do: vì đức A Di Đà thệ nguyện sâu rộng, vì chúng sanh ở cõi này có nhân duyên lớn với ngài, và vì

sự giáo hóa của hai đức Thế Tôn ở Tây phương và Đông độ liên quan nhau.

a) Kinh Vô Lượng Thọ nói: Đức A Di Đà trong thời kỳ tu nhân, đã phát nhiều thệ nguyện rộng lớn. Phần khái yếu trong các lời nguyện ấy là: “Khi tôi thành Phật, nếu có chúng sanh nào muốn sanh về nước tôi, siêng tu các căn lành và chí tâm xưng danh hiệu tôi cho đến mười niệm, nếu kẻ ấy không được vãng sanh thì tôi thề không thành chánh giác. Kẻ nào đã sanh về nước tôi mà còn bị thoái chuyển và không quyết định được thành Phật, tôi thề không thành chánh giác”. Nên trong Hoa Nghiêm Sớ nói: “Phật A Di Đà có lời thề sâu nặng, nguyện tiếp dẫn chúng sanh”.

b) Khi Phật Thích Ca còn ở đời, chúng sanh nghe lời từ huấn, quy hướng về đức A Di Đà rất nhiều. Từ khi đức Thế Tôn

Niết-bàn về sau, không luận Tăng tục nam nữ, giàu nghèo sang hèn, kẻ đã nghe chánh pháp hay chưa biết gì về Phật giáo, vẫn thường xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật. Dù cho hạng hung dữ, kẻ không lòng tin, khi gặp cảnh nguy khốn tai nạn, hay lúc vui mừng, thán oán, bất giác cũng kêu gọi A Di Đà Phật. Cho đến trẻ nhỏ khi chơi đùa vẫn thường nắn hình, vẽ tượng Phật A Di Đà. Người hát xướng hay đứa hài nhi năm ba tuổi nói năng chưa rành, cũng biết niệm A Di Đà Phật. Sự không ai khuyến khích mà vẫn biết niệm ấy, không phải do nhân duyên là gì? Lại như trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn đã bảo: “Nay ta nói kinh này khiến cho chúng sanh được thấy Phật Vô Lượng Thọ và quốc độ của ngài. Những kẻ muốn bước lên đường giải thoát, nên cầu vãng sanh. Pháp môn này mọi người đều có thể tu, chớ vì ta diệt

độ rồi mà sanh lòng nghi hoặc. Trong đời đương lai, khi tam tạng giáo điển đã diệt hết, ta dùng nguyện lực từ bi, duy lưu kinh này trụ thế một trăm năm. Chúng sanh nào có duyên được gặp, tùy ý mong cầu thấy đều đắc độ”. Lại nói: “Sau khi kinh này diệt rồi, Phật Pháp hoàn toàn mất hẳn trong đời, chỉ còn lưu truyền 4 chữ A Di Đà Phật để cứu độ chúng sanh. Kẻ nào không tin mà hủy báng, sẽ bị đọa vào địa ngục, chịu đủ các sự khổ”. Vì lẽ đó, nên ngài Thiên Thai nói: “Phải biết đức Phật kia đối với cõi trước này, có nhân duyên rất lớn”.

c) Các vị tiên giác đều bảo: “Đức Thích Ca ứng sanh nơi cõi uế, đem các duyên: nhớ ác, khổ não, vô thường, chướng nạn, mà chiết phục chúng sanh, khiến cho họ sanh lòng nhàm chán mà tu theo chánh đạo. Đức Di Đà hiện thân nơi

cõi tịnh, dùng các duyên: trong sạch, an vui, lâu dài, không thoái chuyển mà nhiếp hóa loài hữu tình, khiến cho họ khởi tâm ưa mến mà trở lại nguồn chân. Hai bậc Thánh như đã dùng hai môn chiết và nhiếp làm cho chánh giáo lưu hành, nên sự hóa độ có liên quan nhau. Lại đức Bổn Sư ngoài sự chỉ dạy ba thừa để giáo hóa chúng sanh, đặc biệt nói thêm môn Niệm Phật để nhờ đức A Di Đà tiếp dẫn những kẻ còn chưa được độ. Vì thế, trong các kinh đại thừa, đức Thế Tôn đã ân cần dặn bảo, luôn luôn khen ngợi và khuyến khích sự vãng sanh”.

14- **HỎI:** *Chân tâm bình đẳng trong lành, nếu còn niệm chán ưa, tức là còn ghét, yêu, lấy, bỏ. Như thế có lỗi chăng?*

ĐÁP: Ông chưa hiểu sâu về việc trên, nên mới có lời hỏi ấy. Sự chán ưa đó không phải là lòng yêu ghét của thế

gian, mà chính là đường lối chung để chuyển phàm thành Thánh của mười phương chư Phật. Nếu không chán bỏ, làm sao chuyển phàm. Nếu không có ưa lấy, làm sao thành Thánh?

Cho nên từ phàm phu đi đến Thánh vị, từ Thánh vị đi đến Đẳng-giác, khoảng thời gian tăng tiến đó, đều ở trong vòng lấy bỏ chán ưa. Chừng nào hành như đã chứng đến ngôi cực quả là Diệu-giác, mới không còn sự lấy bỏ chán ưa, vào thể như như bình đẳng. Vì thế tiên đức đã bảo: “Người tu trước tiên phải có lấy bỏ để đi đến chỗ không lấy bỏ. Khi sự lấy bỏ đã chí cực, thì cùng với sự không lấy bỏ vẫn đồng nhau”. Hướng chỉ pháp môn Tịnh-độ vốn do đức Thích Ca và Di Đà kiến lập, một vị khuyến khích cầu sanh, một vị giữ phần tiếp dẫn. Nếu người tu tịnh nghiệp không có niệm chán bỏ thì làm sao lìa cõi

Ta Bà, không có tâm ưa cầu, làm sao sanh về Cực Lạc? Sự sanh về Tịnh-độ, chẳng qua là mượn thắng duyên bên cõi ấy để mau thành quả Bồ-đề. Thế thì việc lấy bỏ chán ưa đã không có công lớn thì thôi, sao lại cho là có lỗi?

15- *HỎI: Việc vãng sanh chẳng biết có trái với lý vô sanh chăng?*

ĐÁP: Ngài Thiên Thai đã bảo: “Người trí sớt sáng cầu sanh Tịnh-độ, song hiểu rõ sanh thể vốn không. Đó chính là lý sanh mà vô sanh, và tâm tịnh cõi Phật thanh tịnh. Kẻ ngu bị cái sanh ràng buộc, nghe nói sanh cho là thật có sanh, nghe nói vô sanh lại chấp là không sanh. Đâu biết sanh tức là vô sanh và vô sanh há lại ngại sanh ư?”. Trường Lô thiên sư nói: “Cho sanh là thật có sanh, lạc vào lỗi chấp thường. Cho vô sanh là không có sanh, lạc vào lỗi chấp đoạn. Sanh mà

không sanh, không sanh mà sanh, mới chính thật đệ nhất nghĩa đế”. Thiên Y thiên sư cũng bảo: “Sanh thì quyết định sanh, song về vẫn thật không về”. Lý thuyết của 3 Đại sư trên, ý nghĩa rất rõ ràng. Nay tôi xin đem 2 chữ “TÁNH, TƯỚNG” để giải thích rộng thêm:

Về phần tánh thì chân tâm mâu lạng, thể nó vốn tự không sanh. Về phần tướng thì khi nhân duyên hòa hợp, trong chân tâm vẫn hiển hiện ra các tướng sanh diệt. Vì tánh hay hiện tướng, nên nói vô sanh tức là sanh. Vì tướng do tánh mà hiện, nên gọi sanh tức là vô sanh. Hiểu được nghĩa này thì sanh về Tịnh-độ, tức là sanh trong thể duy tâm, sanh mà không sanh, lý đâu có trái!

16- *HỎI: Thuyết vãng sanh, ý nghĩa đã rõ ràng. Song về việc đó, hàng học giả đời nay, trong ngàn muôn người, mấy ai được*

thông hiểu? Vì thế họ đều nghi rằng miền Cực Lạc cách đây mười muôn ức cõi, lộ trình đã xa vời, khi mạng chung làm sao có thể đến nơi? Chẳng biết đại sư có phương sách gì để thuyết minh việc ấy chăng?

ĐÁP: Tôi đã nhiều lần nói ngoài tâm không độ, ngoài độ không tâm, mà ông còn chưa hiểu sao? Chỉ vì nhiều người đã nhận lầm rằng tâm mình ở trong sắc thân. Họ đâu ngờ đó chỉ là vọng thức. Còn chân tâm của mỗi người rộng rãi vô biên, bao trùm sa giới, đầy khắp thái hư. Cho nên mười phương hư không vô tận vô cùng, hằng sa thế giới vô biên vô số, đều bị tâm lượng của ta bao trùm và đầy khắp tất cả. Xem thế thì biết mười muôn ức cõi chỉ ở trong tâm ta, kỳ thật rất gần, có chi là xa? Mạng chung vãng sanh, cũng chỉ là sanh ở trong tâm ta, kỳ thật rất dễ, có chi là khó? Thập Nghi Luận

nói: “Mười muôn ức cõi là đối với tâm lượng của nhục nhãn phàm phu ở trong nẻo luân hồi mà nói đó thôi. Nếu đối với chúng sanh tịnh nghiệp thành tựu, thì tâm niệm Phật khi lâm chung, chính là tâm thọ sanh về Tịnh-độ, vừa động niệm liền được vãng sanh. Vì thế trong Quán Kinh nói: “Cõi nước của Phật A Di Đà cách đây không xa”. Lại nghiệp lực không thể nghĩ bàn, trong niệm liền được sanh về cõi Phật, không cần phải lo đường lối xa xôi. Ví như người nằm mơ, thân tuy ở giường mà tâm đi khắp nơi. Sự sanh về Tịnh-độ đại-để cũng như vậy”.

Các kinh có chỗ nói trong khoảng khảy ngón tay, liền được vãng sanh. Có chỗ nói khoảng co duỗi cánh tay, hoặc nói trong khoảnh khắc. Nên Tự Tín Lục đã bảo: Trong khoảnh khắc liền vượt qua mười muôn ức cõi, vì tự tâm vốn nhiệm

mâu”. Những điểm thí dụ trên đại ý: Vì sanh trong chân tâm rộng lớn của mình, nên rất dễ và rất gần. Nếu ông không tu Tịnh-độ mà muốn đến Cực Lạc, cố nhiên là khó. Tịnh nghiệp thành tựu thì sự đi đến rất dễ dàng. Chỉ cần quyết tâm là sẽ được mãn nguyện. Phật Thích không khi nào nói dối đâu!

17- **HỎI:** *Không tu tịnh nghiệp, tất chẳng vãng sanh, đó là điều chắc chắn. Thế tại sao hàng phàm phu nghịch ác khi lâm chung lại có thể vãng sanh? Điểm ấy tôi còn chưa hiểu và có chỗ nghi ngờ, mong đại sư chỉ dạy rành rẽ?*

ĐÁP: Quán Kinh dạy: “Hạ phẩm hạ sanh là ngũ nghịch, thập ác, đáng đọa ác đạo. Lâm chung, gặp thiện tri thức thuyết pháp, khuyên phải nhớ tưởng đến Phật: “Hãy chí tâm xưng NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT, âm thanh liên tiếp cho đủ mười niệm”. Người

ngu ác kia vãng lời hết lòng xưng danh. Mỗi niệm diệt được tội nặng nơi đường sanh tử trong 80 ức kiếp. Bỗng thấy hoa sen vàng chói sáng như vầng nhật. Trong khoảng một niệm, liền sanh về thế giới Cực Lạc. Phải ở trong hoa sen mãi 12 đại kiếp. Hoa nở, thấy đức Quán Thế Âm, Đại Thế Chí đại bi, giảng nói thật tướng của các pháp. Nghe rồi, trừ diệt tội chướng, phát tâm Vô-thượng Bồ-đề”.

Đoạn kinh trên chỉ rõ cảnh tượng của bậc hạ phẩm hạ sanh. Mười hai đại kiếp ở trong hoa, tuy thời gian có lâu xa, nhưng người vãng sanh, hưởng thọ sự vui như chư thiên cung trời Đao Lợi. Vì thế cổ đức đã bảo:

“Trong hoa vui vẻ như Đao Lợi.

Khác hẳn thai phàm của thế gian!”.

Theo Quán Kinh Sớ, người nghịch ác được vãng sanh, là do khi lâm chung,

chí tâm niệm Phật. Riêng tôi, sau khi tham khảo các kinh luận và số giải về Tịnh-độ, lại ước kết trong 3 nghĩa:

1/. Tâm lực rất mạnh mẽ ý chí cực quyết định. Ví như người bị quân giặc vây khốn, liều chết dũng mãnh cùng cực, xông phá vượt ra khỏi trùng vi.

2/. Hoặc hiện đời đã có tu tam muội, hoặc đời trước đã có huân tu, nay nương túc thiện nghiệp mà mười niệm được thành công.

3/. Lòng sám hối tha thiết cùng cực. Nên ngài Vĩnh Minh nói: “Vì thể nhân duyên vốn không, nên nghiệp thiện ác chẳng định. Muốn rõ đường siêu đọa, phải nhìn nơi tâm niệm kém hơn. Cho nên một lượng vàng ròng thặng nổi bông gòn trăm lượng, chút lửa le lói đốt tiêu rơm cỏ muôn trùng”.

Ba tâm lực trên là nhân. Nương

thắng duyên không thể nghĩ bàn là công đức của Phật hiệu, nguyện lực của Di Đà, nên khi lâm chung, kẻ nghịch ác mới thoát được tội khiên, sanh về Cực Lạc.

18- HỎI: Sống trong đời ác 5 trước, mỗi người đều có tội. Nếu không sám hối, hoặc sám hối mà tội chưa tiêu diệt hết, khi bình thời và lúc lâm chung đều chí tâm niệm Phật, thì có được vãng sanh chăng?

ĐÁP: Những kẻ hành trì như thế đều được vãng sanh, do nhờ sức đại nguyện không thể nghĩ bàn của đức A Di Đà. Kinh Na Tiên nói: “Như đem tảng đá thật to để trên thuyền, nhờ sức thuyền đá không bị chìm và được chuyển sang bờ bên kia. Nếu không có thuyền thì dù đem hạt cát để xuống nước, hạt cát cũng chìm”. Cho nên trong nhà Phật có thuyết “đổi nghiệp vãng sanh”, là còn mang

nghiệp mà được sanh về Tây phương. Trong Tịnh Độ Văn, đoạn nói về 4 cõi cũng bảo: “Người còn đủ hoặc- nhiễm, vẫn được sanh về Đồng Cư Tịnh-độ”.

Xin đem một thí dụ nữa để nói rõ: Như có người phạm phép quan, đáng lẽ bị tù ngục, nhưng biết cầu cứu với vua, nên quan không thể gia hình. Bộ Tây Tư Sao nói: “Chúng sanh được về Tịnh-độ là nhờ đức Thích Ca chỉ đường, Phật A Di Đà tiếp dẫn và chư Phật mười phương hộ niệm. Như người qua biển, đã được thuyền to, lại nhờ tay lương đạo, thêm vào đó sức gió thuận, nên có thể mau đến bờ bên kia. Nếu còn không chịu bước lên thuyền, lưu liên nơi miền ác địa, đó là lỗi của ai ư?”.

19- **HỎI:** Sách nói: “Hàng phàm phu cũng được lên ngôi bất thoái. Theo thiện ý, ngôi bất thoái để cho hạng người không ác

nghiệp”. Nay đời nghiệp vãng sanh mà cũng được bất thoái ư?

ĐÁP: Chỉ được vãng sanh là đều lên hàng bất thoái chuyển. Kinh nói: “Những kẻ sanh về, đều trụ chánh định tụ”. Lại nói: “Ở cõi Cực Lạc, chúng sanh nào sanh về đó, đều là bậc A-bệ-bạt-trí”. Thập Nghi Luận nói: “Có 5 nhân duyên khiến cho người vãng sanh không thoái chuyển:

- 1) **Nguyện lực đại bi của Phật nhiếp trì.**
- 2) **Ánh sáng của Phật thường soi đến thân, nên lòng Bồ-đề luôn luôn tăng tiến.**
- 3) **Chim, nước, rừng, cây, gió, âm nhạc, thường phát ra tiếng pháp. Hành giả nghe rồi sanh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.**
- 4) **Bạn lành toàn là bậc Bồ-tát thượng thiện, tuyệt tất cả chướng nạn, ác duyên,**

lại không ngoại đạo, tà ma, nên tâm thường an tịnh.

5) Thọ lượng vô cùng, đồng với Phật và Bồ-tát, an nhiên tu tập trải vô biên a tăng kỳ kiếp”. Cổ đức cũng bảo: “Không nguyện sanh Tịnh-độ thì thôi, có thật nguyện tất đều được vãng sanh. Không sanh Tịnh-độ thì thôi, đã vãng sanh tất đều được bất thoái chuyển”.

20- **HỎI:** *Một đời tạo ác, lâm chung niệm Phật, đời nghiệp vãng sanh, được không thoái chuyển. Nguyên lực của đức A Di Đà thâm diệu, thật không thể nghĩ bàn! Vậy thì bây giờ tôi tạo tác theo duyên đời, đời khi sắp chết sẽ niệm Phật, có được vãng sanh chăng?*

ĐÁP: Khổ thay! Lời ngu muội sai lầm! Nguy hiểm hơn rượu độc! Đã hại mình lại làm hại lây đến hàng Tăng, Ni, thiện tín. Có căn lành, phước đức, nhân duyên, mới

được gặp thiện tri thức, mới khởi lòng tin tưởng và phụng hành. Đó là việc hiếm có trong muôn một, đâu phải ai cũng được như thế? Luận Quần Nghi nói: “Trong đời có 10 hạng người lâm chung không niệm Phật được:

1) **Không gặp bạn lành, chẳng ai khuyến nhắc niệm Phật.**

2) **Nghiệp khổ bức thiết, không yên ổn để niệm Phật.**

3) **Trúng phong cứng họng, không thể xưng danh Phật.**

4) **Cuồng loạn mất trí, không thể chú tâm tưởng niệm.**

5) **Thoạt gặp tai nạn nước lửa, mất sự điềm tĩnh chí thành.**

6) **Bỗng gặp cọp beo ác thú làm hại.**

7) **Khi lâm chung bị bạn ác phá hoại lòng tin.**

8) Gặp bạo bệnh hôn mê bất tỉnh mà qua đời.

9) Bị trúng thương thoát chết giữa quân trận.

10) Từ trên cao té xuống mà mạng vong.

Mười sự kiện trên đây là những việc thường nghe thấy, không luận Tăng, tặc, nam, nữ, hạng nào cũng có thể do túc nghiệp hoặc hiện nghiệp chiêu cảm. Sự việc bỗng nhiên xảy ra, không trốn tránh kịp. Ông đã không phải là Thánh như, biết mình khi mạng chung chết tốt hoặc xấu. Bình thời không niệm Phật, đến khi lâm chung nếu rủi mắc phải một trong 10 duyên ác đó, thì sẽ liệu ra sao? Chừng ấy dù có Phật sống hay bao nhiêu thiện tri thức vây quanh cũng không làm thế nào cứu được. Thần thức sẽ tùy nghiệp vào tam đồ bát nạn, nhiều kiếp chịu khổ, bao

giờ lại được nghe danh hiệu Phật như ngày nay?

Tất cả chúng ta lúc sắp chết 4 đại phân ly, gân xương rút chuyển, thân tâm đau đớn kinh hoàng, như con đò trôi bị lật vẫy, con cua rớt vào nước sôi, dễ gì mà niệm Phật? Dù không bệnh, chết yên ổn mà khi lâm chung, duyên đời chưa dứt, niệm tặc còn vương, nổi tham sống sợ chết làm cho tâm ý rối loạn phân vân cũng không niệm Phật được. Nếu là người tặc, gia vụ chưa xong, việc sau chưa sắp đặt, vợ kêu con khóc, trăm mối ưu tư, làm sao niệm Phật? Chẳng đợi lúc lâm chung, ngay khi chưa chết lỡ có chút bệnh nơi thân, đau khổ, rên rỉ không yên, tìm thuốc hỏi thầy, nhờ người cầu an sám hối, tạp niệm rồi ren, đâu dễ nhiếp tâm niệm Phật? Dù không có bệnh mà tuổi cao sức yếu, đủ sự kém suy, áo não buồn

than, lo cái thân già chưa xong, chắc chi đã niệm Phật? Tuổi trẻ chưa già, thân lực cường tráng, hẳn đeo việc thế, sôi nổi niệm đời, bôn tẩu đông tây, âu lo đủ việc, biến thức mệnh mang, thời giờ đâu niệm Phật? Dù ông được muôn duyên rồi rảnh, có chí tu hành, nhưng đối với tướng thế gian, nếu nhìn không thấu, nắm không vững, dứt không xong, xúc đối ngoại duyên không thể tự chủ, tâm tùy theo cảnh mà điên đảo, làm sao niệm Phật?

Ông thử nghĩ xem, ngay bây giờ còn mạnh khỏe an nhàn nếu có một việc đeo đẳng nơi lòng, cũng không thể chánh tâm niệm Phật. Hướng nữa đợi đến lúc lâm chung ư? Phương chi, ông còn tạo tác theo duyên đời, đó phải chăng là chỗ dụng tâm rất nên lầm lỗi? Vả sự nghiệp thế gian như giấc mơ, trò huyễn, như bóng bọt, tiếng vang, chỉ thoáng chốc rồi

không, đâu có lợi ích chi thiết thật trên đường giải thoát? Dù tạo chùa chiền quy mô rộng lớn, gây thanh thế địa vị cao tôn, kết thân với nhiều quyền chức sang giàu, trong tâm tự hào cho đó là đã thành công. Đâu ngờ thật ra chính lại phạm nhằm điều răn của tiên thánh. Cổ đức từng khuyến giới rằng: “Người xuất gia phải chí thú nơi sự giải thoát, đừng đua theo công nghiệp hữu vi. Vì trong ấy có nhiều lầm lỗi, e thiên đường chưa thấy, địa ngục đã thành! Nếu việc sống chết chưa xong, thì tất cả công nghiệp hữu vi đều là gốc khổ. Một mai nhắm mắt đi rồi, theo nghiệp thọ báo. Chừng ấy mới hay là trên gông cùm thêm xiềng xích, dưới vạc nóng thêm củi than, mảnh pháp y đã mất nơi thân, nẻo dị loại đổi hình muôn kiếp!”.

Qua mấy lời trên, người có chí giải

thoát, phải biết cảm thương thân thể của mình. Tổ sư đã tha thiết khuyên răn như thế, đâu có hứa cho tạo tác duyên đời, rồi đợi khi lâm chung mới niệm Phật ư?

Tử Tâm thiên sư bảo: “Trong đời, những người tiên của như núi, thê thiếp đầy nhà, đâu phải họ không muốn trẻ mãi để ngày đêm hưởng phước báo thế gian? Nhưng vì kiếp sanh có hạn, tháng năm thúc giục tuổi già, cái chết há thiên vị kẻ giàu sang, sức nghiệp đâu nề kiêng người tài trí? Chừng ấy tội hành nghiệp cảm, còn chi là thói phong lưu. Kiếp trả đền vay, luống hối cho đời phóng đảng! Những việc vừa nói, thế nhân hầu hết mắt đã từng thấy, tai cũng từng nghe. Người đời thường lần lựa chờ khi lớn tuổi, việc nhà xong xuôi rồi sẽ niệm Phật. Nhưng cái chết đâu có hẹn trẻ già. Tuy nói như thế, đã mấy ai tuổi cao mà biết lo niệm Phật? Cổ nhơn bảo: “Chớ đợi đến

già rồi niệm Phật. Đồng hoang mô trẻ rất nhiều đây!”. Lại nói: “Con người từ lúc còn trẻ, có gia đình, nuôi con cái, trong cuộc sanh sống biết bao nỗi khổ nhọc đắng cay! Hơi thở tàn thì gia đình tiền của, tất cả đều bỏ lại hết, chỉ theo nghiệp mà đi. Cho nên bậc hiểu rộng thấy xa, phải sớm niệm Phật tu hành, con cháu mỗi người tự có phước riêng, kẻ làm cha mẹ chỉ lo tròn bổn phận, chớ suốt đời làm thân trâu ngựa!”. Xin dẫn thêm ra đây mấy lời của cổ đức:

“Cười thương kẻ giàu sang.

Lo giàu thêm rộn ràng!

Hũ gạo sanh sâu mọt.

Kho tiền đầy ngổn ngang.

Ngày cầm cân suy nghĩ.

Đêm đốt đuốc tính toán.

Hình hài ngày tiêu tụy.

Tâm trí rồi bàng hoàng.

Vô thường khi chợt đến.

Biến nghiệp sóng mênh mang!”.

Ngài Tử Tâm đã tha thiết nhắc khuyen như thế, đâu có hứa cho ta tạo tác duyên đời rồi đợi đến khi lâm chung mới niệm Phật ư?

Kiếp người mong manh ngắn ngủi, như chớp giạt lưng trời, mới còn đó đã mất đi, có chi là trường cửu? Phải nhận định cho chắc, rồi thừa lúc chưa già chưa bệnh, gác qua thế sự, rửa sạch thân tâm, được một ngày quang âm lo một ngày niệm Phật, được một khắc rồi rảnh tu một khắc công phu, đến lúc lâm chung mọi việc đã an bài, trời tây cũng sẵn mở lối đường quang đấng! Bằng chẳng thế, khi duyên nghiệp đáo đầu, ăn năn đã muộn! Nên suy nghĩ kỹ!

21- **HỎI:** Lòng người tuy dễ tinh tiến song cũng dễ thoái lui. Nghe lời khuyen

nhắc thì đồng mãnh siêng năng. Gặp việc chi chướng ngại lại giải đãi ngã theo hướng khác. Chỉ vì: Kết quả của sự niệm Phật có lẽ đợi sau khi chết rồi. Còn hiện tại chỉ thấy nhọc nhằn mà không lợi ích chi thiết thật. Đây là duyên có thích đáng của sự thoái tâm biếng trễ?

ĐÁP: Kinh nói: Người nào chí tâm thọ trì danh hiệu Phật, hiện đời sẽ được 10 điều thắng lợi:

1) Ngày đêm thường được tất cả chư thiên, đại lực thần tướng và hàng sa quyến thuộc ẩn hình ủng hộ.

2) Thường được các vị đại Bồ-tát như đức Quán Thế Âm thủ hộ.

3) Hàng được chư Phật ngày đêm hộ niệm, đức A Di Đà thường phóng ánh sáng nhiếp thọ.

4) Tất cả ác quỷ Dạ-xoa, La-sát không

thể làm hại. Tất cả rồng độc, rắn độc, thuốc độc không thể xâm phạm.

5) Không bị những tai nạn như: nước trôi, lửa cháy, giặc oán, đao tên, gông xiềng, tù ngục, hoạnh tử.

6) Những nghiệp ác lần lượt tiêu diệt. Những oan mạng đã bị đương nhưn giết, nhờ công đức niệm Phật, đều được giải thoát, không còn theo báo.

7) Đêm nghỉ yên ổn, hoặc mơ thấy điềm lành.

8) Tâm thường an vui, nhan sắc sáng nhuận, khí lực đầy đủ, việc làm có kết quả tốt đẹp.

9) Thường được mọi người kính trọng giúp đỡ.

10) Lâm chung tâm không sợ hãi, chánh niệm hiện tiền, được thấy Phật A Di Đà và các Thánh chúng tay bưng đài

vàng tiếp dẫn vãng sanh về Cực Lạc, cùng tận kiếp vị lai hưởng thọ an vui nhiệm mầu.

Mười điều lợi ích như trên chính do kim khẩu đức Phật nói ra. Người tu chỉ nên tinh tấn, đừng mang tâm niệm hoài nghi.

22- HỎI: *Người bị trãm việc buộc ràng phải làm sao để được vãng sanh?*

ĐÁP: Người tu thông cảm vô thường, thiết tha giải thoát, thì dù gặp duyên thuận nghịch khổ vui, động tịnh gấp hoãn, tiếp tân đãi khách, lo việc công tư, đối xử muôn duyên, ứng thù tám mặt, cũng không ngại gì đến sự niệm Phật. Cổ nhưn đã bảo:

*“Non cao khó đón đường mây bạc,
Trúc rậm khôn ngăn ngọn suối trong”.*

Lại nói:

*“Mai lại A Di Đà.
Chiều cũng A Di Đà.
Đù gấp như tên bắn.
Không rời A Di Đà”.*

Cho nên muôn cảnh vẫn nhàn, tự mình náo động, nếu người thiết thật cầu về Cực Lạc và biết cách dụng tâm, thì không có duyên nào làm trở ngại được sự tu niệm cả.

Tuy nhiên, những kẻ năng lực kém yếu, việc đời bận nhiều, phải nên trong gấp cố tìm chút thời giờ rảnh, trong động gắng giữ niệm lắng yên, rồi tùy sức niệm Phật hoặc nhiều hoặc ít. Mỗi ngày nên định khóa hoặc ba muôn hay một muôn câu, ba ngàn hay một ngàn câu, và giữ mực thường hằng, đừng cho gián đoạn. Nếu vị nào duyên sự quá nhiều, ít có giây phút rảnh rảnh thì mỗi buổi sớm mai tu theo pháp Thập Niệm Hồi Hướng, cứ giữ

như thế suốt đời, cũng được nhờ ơn tiếp dẫn. Người có thì giờ hay phương tiện, ngoài thời niệm Phật, hoặc trì chú tụng kinh, hoặc sám hối bố thí, tùy phần tùy lực mà tu các phước lành, dù có mảy may công đức, cũng đem hồi hướng Tây phương. Dụng công như thế, chẳng những quyết định được vãng sanh mà cũng sẽ tăng cao thêm phẩm vị.

23- HỎI: Pháp Thập Niệm Hồi Hướng thế nào, xin nhờ đại sư chỉ thị?

ĐÁP: Pháp Thập Niệm thì mỗi buổi sớm mai hoặc tùy thời giờ rảnh, hành giả hướng về phương Tây, niệm Phật liên tiếp, luôn một hơi, cứ mỗi hơi kể một niệm, 10 hơi là 10 niệm. Khi niệm không hạn số câu ít hay nhiều, chỉ tùy theo hơi dài ngắn, chuyên chú niệm luôn cho hết hơi. Tiếng niệm Phật rành rẽ, không thấp không cao, không gấp không hoãn, niệm

10 hơi liên tiếp, chớ để tâm ý tán loạn. Đây là pháp mượn hơi nhiếp tâm, quý ở nơi chuyên nhất và phải giữ như thế trọn đời, không được một ngày tạm bỏ.

Niệm xong, dùng tâm chí thành nguyện rằng: “Con là (pháp danh), phát lòng Bồ-đề, quy mạng đức A Di Đà, nguyện về Cực Lạc. Xưa Phật lập thế: “Nếu chúng sanh nào muốn về nước ta, hết lòng xưng danh, cho đến 10 niệm, như không được sanh, ta không thành Phật”. Con nguyện nương nhờ từ lực của Phật, tội diệt phước sanh. Con nguyện lâm chung, biết ngày giờ trước, dứt trừ chướng ngại, Phật cùng Thánh chúng, tiếp dẫn vãng sanh, mau ngộ Phật thừa, độ khắp muôn loại”.

24- **HỎI:** Đối với người ở trong lưới tục, cổ đức đã tùy lượng mà chỉ dạy phương pháp rất căn kẽ rõ ràng. Nhưng với chúng tôi là hạng người thế ngoại, lại phải làm

sao để dụng công?

ĐÁP: Trước tôi đã nói pháp tu có nhiều loại, tổng nhiếp thành 3 môn. Trong 3 môn ấy, mỗi người tùy ý mình lựa chọn hoặc chuyên tu hay kiêm tu, chỉ yếu tâm chân thiết và giữ cho bền lâu, tự sẽ có kết quả.

25- **HỎI:** *Phương tu viên quán, pháp niệm duy tâm, dường như hành môn của bậc thượng khí. Còn 10 nguyện trong kinh Hoa Nghiêm, 10 tâm trong kinh Bảo Tích, cũng là dụng công của hạng lợi căn. Nếu như căn khí không xứng hợp, e cho công hạnh khó thành! Nay tôi tự xét căn tánh và sở thích của mình, thì chỉ nên chuyên trì danh hiệu, nếu rảnh thì thêm lễ Phật sám hối mà thôi. Ý đại sư như thế nào?*

ĐÁP: Lành thay! Ông biết tự lượng đó! Xét qua lời ông nói thật rất hợp với

thuyết chuyên tu vô gián của Thiền Đạo đại sư. Thuyết ấy đại khái như sau:

Chuyên tu là do chúng sanh phần nhiều chướng nặng, tâm tưởng thô phù, ý thức rối loạn, mà quán cảnh lại quá tinh tế, nên công hạnh khó thành. Do đó nên đáng đại thánh xót thương, bảo chuyên xưng danh hiệu. Vì xưng danh rất dễ, nếu giữ mỗi niệm tương tục, liền được vãng sanh. Kẻ nào suốt đời hành trì như thế, thì mười tu mười người về, trăm tu trăm người về. Bởi tại sao? Vì không tạp duyên nên dễ được chánh niệm. Vì cùng với bản nguyện của Phật hợp nhau. Vì thuận theo lời Phật dạy. Nếu bỏ chuyên tu mà hành theo tạp hạnh để cầu sanh thì trong trăm ngàn người chỉ hy vọng được ba bốn.

Vô gián tu là thân chuyên lễ Phật A Di Đà; miệng chuyên xưng danh Phật A Di Đà; ý chuyên tưởng Phật A Di Đà.

Tham sân si nổi lên, phải tùy phạm tùy sám hối, đừng để cách đêm. Giữ niệm thanh tịnh, không xen tạp, không hở dút.

Cô Sơn Hòa-thượng cũng bảo: “Chẳng nên xưng danh tán loạn, phát nguyện lơ là”. Vĩnh Minh đại sư cũng dạy: “Phải một lòng quy mạng, trọn kiếp tinh tu khi ngồi nằm thường hướng về Tây. Lúc lễ bái, niệm Phật, phát nguyện, phải khẩn thiết chí thành, không xen lẫn tạp niệm, trạng như người sắp bị hình phạt, như kẻ đang ở lao tù, như người gặp giặc oán rượt theo, như bị nạn nước lửa bức bách, một lòng cầu cứu, nguyện thoát khổ luân, mau chứng vô sanh, để nối ngôi Tam-bảo, đền đáp bốn ân, độ loài hàm thức. Chí thành như thế, tất công phu không uổng”.

26- HỎI: Tu làm sao cho mỗi niệm nối nhau. Song định lực chưa thành, niệm đầu

không chủ, hoặc tri giác cũ khó quên, hoặc tư tưởng vọng nổi dậy, hoặc xúc đối cảnh duyên tự kèm giữ không vững, hoặc tâm tình rối loạn cố ngăn dẹp chẳng kham. Cứ lần chuỗi một lúc, là tâm niệm đã chạy hết đông sang tây, bất giác nó đã đi xa cách mấy ngàn muôn dặm hồi nào, cũng không tự hay biết. Có khi phải bận lo một việc chi, thì luôn trong năm mười ngày hoặc đến cả tháng, tâm trí vẫn vương vít, chỉ dẹp trừ nó còn chưa xong, nói gì đến chánh niệm! Điều này thốt ra thật đáng hổ thẹn, song nghĩ lại cũng đáng thương tâm! Không biết có cách gì đối trị chẳng, xin nhờ đại sư chỉ bảo?

ĐÁP: Đó là căn bệnh chung của hầu hết người tu. Nếu không thống thiết tự trách thì khó mà thành tựu pháp chuyên tu vô gián. Tôi nghe người xưa có 3 điều thống thiết tự trách răn, nay vì ông tỏ bày, nên ghi nhớ cho kỹ:

1/- **Điều thứ nhất là phải nghĩ đến sự báo ân. Người tu có những ơn trọng:**

ƠN PHẬT

Thích Ca Như Lai của chúng ta đã vì chúng ta tu Bồ-tát đạo, trải vô lượng kiếp chịu đủ cực khổ. Khi ta tạo tội đức Phật xót thương, phương tiện giáo hóa mà ta ngu si không biết tin nhận. Ta đọa địa ngục Phật càng đau xót muốn chịu khổ thay ta. Nay ta làm người, Phật dạy gieo trồng thiện căn. Đời đời kiếp kiếp Phật theo dõi ta không hề tạm bỏ. Khi Phật tại thế ta còn chìm đắm, nay ta được thân người thì Phật đã diệt độ.

Tội lỗi gì mà sanh nhằm thời mạt pháp, phước đức gì mà được dự hàng xuất gia, nghiệp chướng gì mà chẳng nhìn thấy thân vàng của Phật, nhân lành gì mà được gặp xá lợi của Ngài.

Nếu quá khứ chưa từng trông thiện căn thì ngày nay làm sao được nghe Phật Pháp. Ân đức như vậy núi non khó sánh. Nếu không phát quảng đại tâm, thật hành Bồ-tát đạo, xây dựng Phật Pháp, giáo hóa chúng sanh thì dẫu xương tan hình nát cũng khó mà đáp trả ơn Phật.

ƠN SƯ TRƯỞNG

Tình cha mẹ thương con như biển hồ lai láng. Công cha như núi nghĩa mẹ như nguồn, nhưng tình ái lại chính là gốc trầm luân lịch kiếp. Nếu không có Sư trưởng thì sao biết lễ nghi, sao hiểu Phật Pháp. Lễ nghĩa không biết thì khác gì cầm thú, Phật Pháp không hiểu thì y nhiên là kẻ phàm phu. Nay chúng ta ca sa phủ thân, giới phẩm thối mình, ân đức trọng đại này nhờ Sư trưởng mà được. Nếu ta chỉ cầu quả vị nhỏ, lợi ích

riêng một bản thân thì làm sao đền ơn Sư trưởng. Cho nên phải y theo đại thừa, khắp đem Phật Pháp lợi ích quần sanh.

Hãy tạm gác qua ơn Phật ơn Thầy. Như ông là phận xuất gia, công ơn sanh dưỡng của cha mẹ há chẳng sâu nặng ư? Ông đã lìa tục xuất gia, vì đi học đạo nên phải xa cách quê quán nhiều năm, cha mẹ nhọc nhằn cực khổ ông cũng không biết, khi già yếu đau bệnh lại cũng không săn sóc thuốc thang. Đến lúc cha mẹ mãn phần, ông về cũng đã trễ muộn. Khi ông còn nhỏ, cha mẹ vì nuôi nấng thương lo cho con mà gây nhiều tội nghiệp. Chết rồi đọa vào nẻo khổ. Hy vọng ông cứu độ, như khát chờ uống, như hạn trông mưa. Nếu ông tu hành lơ láo tất tịnh nghiệp không thành. Đã không thành thì tự cứu chưa xong, làm sao cứu được cha mẹ? Đối với song thân ông đã lỗi phần phụng

dưỡng về thể chất, mà còn không cứu độ được phần hương linh. Phụ nghĩa quên ơn, là đại bất hiếu. Kinh nói: “Tội bất hiếu, đọa địa ngục”. Thế thì tâm niệm gián đoạn không chuyên tu, chính là nghiệp địa ngục vậy.

Lại ông không dệt mà mặc, không cày mà ăn, phòng nhà, chăn gối, cơm áo, thuốc thang đều do đàn việt cúng dâng. Tổ sư từng răn dạy: “Hàng thiện tín vì sùng kính Tam-bảo, đã chia cắt bớt phần ăn của gia đình đem đến cúng dường. Nếu người tu đạo hạnh không tròn, thì dù tấc vải hạt cơm, kiếp sau cũng phải đền trả. Muốn báo ơn đàn việt, ông phải lo chuyên tu tịnh nghiệp, độ mình độ người. Một niệm gián đoạn không chuyên, tất đã có phần trong kiếp luân hồi vay trả. Đây chính là nghiệp hạ tiện hoặc súc sanh.

2/- Điều thứ hai là phải có chí kiên

quyết để đi đến kết quả. Ông một đời tham thiền đã chẳng ngộ thiền, khi học giáo lại không tinh về giáo. Cho đến ngày nay tâm địa chưa lắng yên, niệm đầu còn sôi nổi, khi thì muốn làm thi, lúc lại thích tả tự, khi thì thuyết giáo, lúc lại đàm thiền, ý chí ly tán đi ba bốn nẻo. Tổ sư đã bảo: “Tâm niệm còn vương mắc, đó là nghiệp luân hồi. Tình tưởng vừa sanh ra, muôn kiếp bị ràng buộc”. Cho nên người tu mà ý chí không nhất quyết, đó chính là đầu mối của sự sa đọa tam đồ.

Do ý niệm phân vân nên không thể thâm nhiếp thân và khẩu. Giới phẩm đã không trang nghiêm, thì tâm càng vọng động. Nhân sự vọng động ấy mà phần chuyên tu bị gián đoạn. Kinh nói: “Thà lấy nước đồng sôi rót vào miệng, nguyện không để miệng phá giới này thọ các thức ăn uống của tín tâm đàn việt. Thà

dùng lưới sắt nóng quán thân thể mình, nguyện không để thân phá giới này thọ những y phục của tín tâm đàn việt”.

Ý chí không quyết định, vì không nhận rõ tướng đời giả huyễn, nên chạy theo danh lợi hư phù. Khi danh lợi thuộc về mình thì sanh lòng mê đắm, danh lợi thuộc kẻ khác lại sanh lòng ganh ghét hơn thua. Cổ đức bảo: “Tham đắm danh lợi đi về nẻo súc đường quý, buông lòng thương ghét đồng vào hầm lửa vạc dầu!”.

3/- Điều thứ ba là cầu sự ứng nghiệm. Kiếp người mong manh, vô thường chẳng hẹn. Ông nay tóc đã điểm bạc, da đượm nét nhăn, tướng suy tàn hiện rõ, kỳ lâm chung phỏng còn được mấy ngày? Xưa Huệ Viễn pháp sư ở Lô Sơn, ba phen thấy Phật xoa đầu. Hoài Cảm pháp sư chí thành xưng danh hiệu Phật, liền thấy đức A Di Đà phóng ánh quang

minh, hiện ra tướng hảo. Thiếu Khang pháp sư niệm Phật một câu, đại chúng liền thấy một vị Phật từ miệng ngài bay ra, cho đến trăm ngàn câu cũng thế, tợ hồ các hạt chuỗi nối tiếp nhau.

Bởi vì tâm không rời Phật, Phật chẳng rời tâm, đạo cảm ứng giao thông, hiện đời được thấy Phật. Đã thấy đức Phật ở Cực Lạc, tức thấy chư Phật khắp mười phương. Thấy mười phương Phật tức thấy tự tánh thiên chân Phật. Khi ấy đại dụng hiện tiền, tùy theo bi nguyện, độ khắp quần sanh.

Khách nghe xong vui mừng lay tạ.